

Số: 2246/NHKL

Rạch Giá, ngày 16 tháng 7 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam

- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Thực hiện quy định Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Ngân hàng TMCP Kiên Long (KienlongBank) công bố thông tin như sau:

1. Tên tổ chức: Ngân hàng TMCP Kiên Long

- Mã chứng khoán: KLB
- Địa chỉ: Số 40-42-44 đường Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang.
- Điện thoại: 0297 3869 950 Fax: 0297 3877 538
- Email: kienlong@kienlongbank.com Website: <https://kienlongbank.com>

2. Nội dung thông tin công bố:

Ngân hàng TMCP Kiên Long (KienlongBank) công bố thông tin, như sau:

Thông báo số 619/TB-NHKL ngày 16/7/2026 của KienlongBank thông báo Chào bán trái phiếu ra công chúng – Đợt 3.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của KienlongBank từ ngày 16/7/2026 tại đường dẫn <https://kienlongbank.com/cong-bo-thong-tin>

Chúng tôi xin cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT

CHÁNH VĂN PHÒNG HĐQT

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu P. HCQT.



Nguyễn Thanh Thủy
Nguyễn Thanh Thủy

Số: 916./TB-NHKL

Rạch Giá, ngày 16 tháng 7 năm 2026

THÔNG BÁO

Chào bán trái phiếu ra công chúng – Đợt 3

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 410/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) cấp ngày 28/10/2025 và Văn bản số 6334/UBCK-QLCB ngày 08/7/2026 của UBCKNN v/v tài liệu báo cáo triển khai chào bán trái phiếu đợt 03 theo Giấy chứng nhận số 410/GCN-UBCK ngày 28/10/2025)

I. Giới thiệu về Tổ chức phát hành

1. Tên Tổ chức phát hành (đầy đủ): NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN KIÊN LONG
("Tổ Chức Phát Hành")

2. Tên viết tắt: KienlongBank

3. Địa chỉ trụ sở chính: số 40-42-44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang, Việt Nam

4. Số điện thoại: (029) 7386 9950

Số fax: (029) 7387 7538

Website: www.kienlongbank.com

5. Vốn điều lệ (*): 7.527.833.370.000 VND

() KienlongBank đã nhận được văn bản số 6509/UBCK-QLCB ngày 14/07/2026 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc tài liệu báo cáo kết quả đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của Ngân hàng Thương mại cổ phần Kiên Long. Theo đó, KienlongBank đã thực hiện phân phối 170.617.811 cổ phiếu, tương ứng 1.706.178.110.000 VND. Hiện tại, KienlongBank đang thực hiện các thủ tục liên quan với NHNN để đăng ký sửa đổi Giấy phép thành lập và hoạt động đồng thời cập nhật vào hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo mức vốn điều lệ mới (7.527.833.370.000 VND).*

6. Mã cổ phiếu: KLB

7. Nơi mở tài khoản thanh toán: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam – Sở Giao dịch

Số hiệu tài khoản: 120081 (Mã Citad: 91353001)

8. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 1700197787 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp lần đầu ngày 10/10/1995, đăng ký thay đổi lần thứ 42 ngày 24/07/2024.

- Ngành nghề kinh doanh chính:

STT	Tên ngành
1	Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.
2	Phát hành chứng chỉ tiền gửi.
3	Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây: a) Cho vay; b) Chiết khấu, tái chiết khấu; c) Bảo lãnh ngân hàng; d) Phát hành thẻ tín dụng; e) Bao thanh toán trong nước, bao thanh toán quốc tế đối với các ngân hàng được phép thực hiện thanh toán quốc tế; f) Thư tín dụng.
4	Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.
5	Cung ứng các phương tiện thanh toán.
6	Cung ứng các dịch vụ thanh toán qua tài khoản sau đây: a) Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, chuyển tiền, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ; b) Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế theo quy định của NHNN.
7	Vay NHNN dưới hình thức tái cấp vốn.
8	Mua, bán giấy tờ có giá với NHNN.
9	Cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi, mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của NHNN.
10	Vay nước ngoài theo quy định của pháp luật.
11	Mở tài khoản thanh toán tại NHNN.
12	Mở tài khoản thanh toán tại tổ chức tín dụng được cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản.
13	Mở tài khoản thanh toán ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối.

STT	Tên ngành
14	Tổ chức thanh toán nội bộ và tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.
15	Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của NHNN.
16	Kinh doanh, cung ứng cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài các dịch vụ, sản phẩm về ngoại hối trong phạm vi do NHNN quy định.
17	Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong hoạt động ngân hàng, giao đại lý thanh toán theo quy định của NHNN.
18	Đại lý bảo hiểm theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm, phù hợp với phạm vi hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của NHNN.
19	Các hoạt động kinh doanh khác: a) Dịch vụ quản lý tiền mặt; dịch vụ ngân quỹ cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; dịch vụ bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn; b) Cung ứng các dịch vụ chuyển tiền, thu hộ, chi hộ không qua tài khoản; c) Mua, bán tín phiếu NHNN, trái phiếu doanh nghiệp; mua, bán công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương và các giấy tờ có giá khác; d) Dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán, thư tín dụng; e) Tư vấn về hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác theo quy định trong Giấy phép thành lập và hoạt động; f) Phát hành trái phiếu; g) Đại lý quản lý tài sản bảo đảm cho bên cho vay là tổ chức tài chính quốc tế, tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
20	Mua nợ.
21	Tham gia hệ thống thanh toán quốc tế: a) Hệ thống của Hiệp hội Viễn thông Tài chính Liên ngân hàng Toàn cầu (SWIFT); b) Hệ thống thanh toán thẻ quốc tế của tổ chức thẻ quốc tế Visa; c) Hệ thống thanh toán thẻ quốc tế của tổ chức thẻ quốc tế JCB.

- Mã ngành: 6419 (chính)

- Sản phẩm/dịch vụ chính:

- o Khách hàng cá nhân: sản phẩm thanh toán & tín dụng (thẻ, tài khoản số đẹp, vay kinh doanh...); sản phẩm huy động (tiền tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn...); dịch vụ & bảo hiểm (thu chi hộ, bảo hiểm sức khỏe...).

- Khách hàng doanh nghiệp: bảo lãnh (bảo lãnh ngân hàng...); cho vay (cho vay thấu chi...); tài trợ thương mại (tài trợ xuất khẩu sau giao hàng, tài trợ thế chấp...).

9. Giấy phép thành lập và hoạt động: số 17/GP-NHNN do NHNN cấp ngày 03/04/2026, được bổ sung bởi Quyết định số 50/QĐ-QLGS5 do NHNN cấp ngày 25/06/2026.

II. Mục đích chào bán

Tổ Chức Phát Hành dự kiến sử dụng tiền thu được từ phát hành trái phiếu nhằm phục vụ nhu cầu cho vay khách hàng, thỏa mãn các điều kiện bổ sung nguồn vốn cấp 2, cải thiện hệ số an toàn vốn theo Thông tư 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và các quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

III. Thông tin chung các Đợt chào bán

1. Tên Trái Phiếu: Trái phiếu Ngân hàng TMCP Kiên Long phát hành ra công chúng (“Trái Phiếu”).

2. Loại Trái Phiếu: Trái Phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để được tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Phát Hành.

3. Mệnh giá Trái Phiếu: 100.000 VND/Trái Phiếu (một trăm nghìn đồng một Trái Phiếu).

4. Tổng số lượng Trái Phiếu chào bán: 30.000.000 (ba mươi triệu) Trái Phiếu. Cụ thể:

STT	Đợt	Mã Trái Phiếu	Số lượng Trái Phiếu chào bán (Trái phiếu)
1	Đợt 1	KLB7Y202501	10.000.000
2	Đợt 2	KLB7Y202502	10.000.000
3	Đợt 3	KLB7Y202503	10.000.000
Tổng			30.000.000

Đợt phát hành thứ hai và thứ ba chỉ được thực hiện sau khi kết thúc Đợt phát hành liền trước đó. Trường hợp Đợt phát hành trước chưa chào bán hết khối lượng dự kiến phân phối thì phần khối lượng chưa bán hết sẽ chuyển sang Đợt phát hành sau.

IV. Phương án chào bán Đợt 3

1. Tên Trái Phiếu: Trái phiếu Ngân hàng TMCP Kiên Long phát hành ra công chúng.

2. Loại Trái Phiếu: Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để được tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Phát Hành.

3. Mã Trái Phiếu: KLB7Y202503

4. Mệnh giá Trái Phiếu: 100.000 VND/Trái Phiếu (một trăm nghìn đồng một Trái Phiếu).

mm

5. Tổng số lượng Trái Phiếu chào bán: 17.774.676 (mười bảy triệu bảy trăm bảy mươi bốn nghìn sáu trăm bảy mươi sáu) Trái Phiếu. Cụ thể:

STT	Đợt	Mã Trái Phiếu	Số lượng Trái Phiếu Đợt 2 chưa chào bán hết (Trái phiếu)	Số lượng Trái Phiếu chào bán dự kiến Đợt 3 đã được phê duyệt (Trái phiếu)	Số lượng Trái Phiếu đăng ký chào bán Đợt 3 (Trái phiếu)
1	Đợt 3	KLB7Y202503	7.774.676	10.000.000	17.774.676
		Tổng cộng	7.774.676	10.000.000	17.774.676

6. Tổng giá trị Trái Phiếu chào bán (theo mệnh giá): 1.777.467.600.000 VND (một nghìn bảy trăm bảy mươi bảy tỷ bốn trăm sáu mươi bảy triệu sáu trăm nghìn đồng).

7. Giá chào bán: 100.000 VND/Trái Phiếu (một trăm nghìn đồng một Trái Phiếu).

8. Lãi suất: Lãi suất thả nổi, được xác định theo công thức sau:

Lãi suất = Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ 2,8%/năm (hai phẩy tám phần trăm một năm)

Trong đó:

- Lãi Suất Tham Chiếu đối với mỗi Kỳ Tính Lãi, có nghĩa là lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân, bằng Đồng Việt Nam, kỳ hạn 24 tháng, trả lãi cuối kỳ, được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức (website) của KienlongBank tại Ngày Xác Định Lãi Suất.
- Ngày Xác Định Lãi Suất đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên là ngày bắt đầu nhận đơn đăng ký mua Trái Phiếu của Đợt 3. Ngày Xác Định Lãi Suất đối với các Kỳ Tính Lãi tiếp theo là Ngày Làm Việc thứ 07 (bảy) trước ngày đầu tiên của mỗi Kỳ Tính Lãi.
- Kỳ Tính Lãi có nghĩa là mỗi giai đoạn kéo dài kể từ và bao gồm Ngày Phát Hành hoặc từ và bao gồm Ngày Thanh Toán Lãi liền trước cho đến nhưng không bao gồm Ngày Thanh Toán Lãi tương ứng của Kỳ Tính Lãi đó.

9. Kỳ hạn Trái Phiếu: 07 (bảy) năm.

10. Kỳ trả lãi: Lãi được thanh toán sau, định kỳ 12 (mười hai) tháng một lần kể từ ngày phát hành hoặc thanh toán cùng với tiền gốc Trái Phiếu vào ngày mua lại trước hạn Trái Phiếu (nếu có).

11. Phương thức phân phối:

Bán trực tiếp cho Nhà Đầu Tư tại Trụ sở chính, Chi nhánh, Phòng Giao dịch của KienlongBank.

12. Số lượng đăng ký mua tối thiểu:

- Đối với Nhà Đầu Tư cá nhân: tối thiểu 100 (một trăm) Trái Phiếu, tương đương với 10.000.000 VND (mười triệu đồng) tính theo mệnh giá;

ms

- Đối với Nhà Đầu Tư tổ chức: tối thiểu 1.000 (một nghìn) Trái Phiếu, tương đương 100.000.000 VND (một trăm triệu đồng) tính theo mệnh giá.

Để tránh nhầm lẫn, Nhà Đầu Tư chỉ được đăng ký mua số lượng Trái Phiếu chẵn đến hàng đơn vị và tối thiểu là 100 (một trăm) Trái Phiếu đối với Nhà Đầu Tư cá nhân và tối thiểu là 1.000 (một nghìn) Trái Phiếu đối với Nhà Đầu Tư tổ chức.

13. Thời gian nhận đăng ký mua Trái Phiếu: Từ ngày 11/08/2026 đến ngày 01/10/2026

14. Địa điểm nhận đăng ký mua Trái Phiếu:

- Tại các Chi nhánh, Phòng Giao dịch của KienlongBank trên toàn quốc và trụ sở chính của KienlongBank. Chi tiết địa chỉ các Chi nhánh, Phòng Giao dịch đăng tải tại <https://kienlongbank.com/diem-giao-dich>
- Hotline: 1900 6929

15. Thời gian nhận tiền mua Trái Phiếu: Từ ngày 11/08/2026 đến ngày 01/10/2026

16. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua Trái Phiếu:

- Số tài khoản: 1050049575
- Tên chủ tài khoản: Ngân hàng TMCP Kiên Long
- Mở tại: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Chi nhánh Tây Hồ

17. Địa điểm công bố Bản Cáo Bạch:

Bản Cáo Bạch và các tài liệu liên quan khác được đăng tải tại trang thông tin điện tử của Tổ Chức Phát Hành: www.kienlongbank.com

V. Các tổ chức liên quan

Tổ Chức Tư Vấn; Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký Trái Phiếu Ban Đầu và Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội

Địa chỉ: Số 43 Phố Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84 24) 3818 1888

Fax: (84 24) 3818 1688

Website: www.shs.com.vn

Tổ Chức Kiểm Toán

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C – Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025

Địa chỉ: 02 Trường Sơn, Phường Tân Sơn Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (84 28) 3547 2972

Website: www.a-c.com.vn

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học MOORE AISc – Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024

Địa chỉ: 389A Điện Biên Phủ, Phường Bàn Cờ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (84 28) 3832 9129

Website: www.aisc.com.vn

Rạch Giá, ngày 16 tháng 7 năm 2026

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HĐQT



Trần Ngọc Minh



NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

KienlongBank

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----***-----

Rạch Giá, ngày 29 tháng 6 năm 2026

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH

(Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 410/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) cấp ngày 28/10/2025)

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

- Tên Tổ Chức Phát Hành (đầy đủ): Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kiên Long ("KienlongBank")
 - Địa chỉ trụ sở chính: Số 40-42-44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang, Việt Nam
 - Điện thoại: (029) 7386 9950 Fax: (029) 7387 7538
Website: www.kienlongbank.com
 - Vốn điều lệ: 5.821.705.260.000 VND (theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 17/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN") cấp ngày 03/04/2026)
 - Mã cổ phiếu: KLB
 - Nơi mở tài khoản thanh toán: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Sở Giao dịch
Số hiệu tài khoản: 120081 (Mã Citad: 91353001)
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 1700197787 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp lần đầu ngày 10/10/1995, đăng ký thay đổi lần thứ 42 ngày 24/07/2024.
- Ngành nghề kinh doanh chính:

STT	Tên ngành
1	Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.
2	Phát hành chứng chỉ tiền gửi.
3	Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây: a) Cho vay; b) Chiết khấu, tái chiết khấu; c) Bảo lãnh ngân hàng; d) Phát hành thẻ tín dụng; e) Bao thanh toán trong nước, bao thanh toán quốc tế đối với các ngân hàng được phép thực hiện thanh toán quốc tế; f) Thư tín dụng.
4	Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.

STT	Tên ngành
5	Cung ứng các phương tiện thanh toán.
6	Cung ứng các dịch vụ thanh toán qua tài khoản sau đây: a) Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, chuyển tiền, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ; b) Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế theo quy định của NHNN.
7	Vay NHNN dưới hình thức tái cấp vốn.
8	Mua, bán giấy tờ có giá với NHNN.
9	Cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi, mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của NHNN.
10	Vay nước ngoài theo quy định của pháp luật.
11	Mở tài khoản thanh toán tại NHNN.
12	Mở tài khoản thanh toán tại tổ chức tín dụng được cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản.
13	Mở tài khoản thanh toán ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối.
14	Tổ chức thanh toán nội bộ và tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.
15	Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của NHNN.
16	Kinh doanh, cung ứng cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài các dịch vụ, sản phẩm về ngoại hối trong phạm vi do NHNN quy định.
17	Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong hoạt động ngân hàng, giao đại lý thanh toán theo quy định của NHNN.
18	Đại lý bảo hiểm theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm, phù hợp với phạm vi hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của NHNN.
19	Các hoạt động kinh doanh khác: a) Dịch vụ quản lý tiền mặt; dịch vụ ngân quỹ cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; dịch vụ bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn; b) Cung ứng các dịch vụ chuyển tiền, thu hộ, chi hộ không qua tài khoản; c) Mua, bán tín phiếu NHNN, trái phiếu doanh nghiệp; mua, bán công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương và các giấy tờ có giá khác; d) Dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán, thư tín dụng; e) Tư vấn về hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác theo quy định trong Giấy phép thành lập và hoạt động; f) Phát hành trái phiếu;

STT	Tên ngành
	g) Đại lý quản lý tài sản bảo đảm cho bên cho vay là tổ chức tài chính quốc tế, tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
20	Mua nợ.
21	Tham gia hệ thống thanh toán quốc tế: a) Hệ thống của Hiệp hội Viễn thông Tài chính Liên ngân hàng Toàn cầu (SWIFT); b) Hệ thống thanh toán thẻ quốc tế của tổ chức thẻ quốc tế Visa; c) Hệ thống thanh toán thẻ quốc tế của tổ chức thẻ quốc tế JCB.

- Mã ngành: 6419 (chính).
- Sản phẩm/dịch vụ chính:
 - Khách hàng cá nhân: sản phẩm thanh toán & tín dụng (thẻ, tài khoản số đẹp, vay kinh doanh...); sản phẩm huy động (tiền tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn...); dịch vụ & bảo hiểm (thu chi hộ, bảo hiểm sức khỏe...);
 - Khách hàng doanh nghiệp: bảo lãnh (bảo lãnh ngân hàng...); cho vay (cho vay thấu chi...); tài trợ thương mại (tài trợ xuất khẩu sau giao hàng, tài trợ thế chấp...).

8. Giấy phép thành lập và hoạt động: số 17/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”) cấp ngày 03/04/2026, được bổ sung bởi Quyết định số 50/QĐ-QLGS5 do NHNN cấp ngày 25/06/2026.

II. PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN

A. PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT:

Ngày 16/09/2025, Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Kiên Long đã thông qua theo Nghị quyết số 30/NQ-HĐQT về việc thông qua Phương án phát hành, Phương án sử dụng và trả nợ vốn, Hồ sơ đăng ký chào bán Trái Phiếu ra công chúng của Ngân hàng TMCP Kiên Long.

Ngày 28/10/2025, Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 410/GCN-UBCK (“**Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Chào Bán**”) cho Ngân hàng TMCP Kiên Long.

Theo đó, phương án chào bán trái phiếu đã được phê duyệt như sau:

1. Tên Trái Phiếu: Trái phiếu Ngân hàng TMCP Kiên Long phát hành ra công chúng (“**Trái Phiếu**”).

2. Loại Trái Phiếu: Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Phát Hành.

3. Mệnh giá Trái Phiếu: 100.000 VND/Trái Phiếu (Một trăm nghìn đồng một Trái Phiếu).

4. Tổng số lượng Trái Phiếu chào bán: 30.000.000 (Ba mươi triệu) Trái Phiếu. Cụ thể:

STT	Đợt	Mã Trái Phiếu	Số lượng Trái Phiếu chào bán (Trái phiếu)	Thời gian chào bán dự kiến
1	Đợt 1	KLB7Y202501	10.000.000	Quý IV/2025 - Quý I/2026

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

STT	Đợt	Mã Trái Phiếu	Số lượng Trái Phiếu chào bán (Trái phiếu)	Thời gian chào bán dự kiến
2	Đợt 2	KLB7Y202502	10.000.000	Quý I/2026 - Quý II/2026
3	Đợt 3	KLB7Y202503	10.000.000	Quý II/2026 - Quý III/2026
Tổng cộng			30.000.000	

5. Tổng giá trị Trái Phiếu chào bán theo mệnh giá: 3.000.000.000.000 VND (Ba nghìn tỷ đồng).

6. Lãi suất Trái Phiếu: Lãi suất thả nổi, được xác định theo công thức sau:

Lãi suất = Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ 1,8%/năm (một phẩy tám phần trăm một năm)

Trong đó:

- Lãi Suất Tham Chiếu đối với mỗi Kỳ Tính Lãi, có nghĩa là lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân, bằng Đồng Việt Nam, kỳ hạn 12 tháng, trả lãi cuối kỳ, được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức (website) của KienlongBank tại Ngày Xác Định Lãi Suất.
- Ngày Xác Định Lãi Suất đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên là ngày bắt đầu nhận đơn đăng ký mua Trái Phiếu của mỗi Đợt. Ngày Xác Định Lãi Suất đối với các Kỳ Tính Lãi tiếp theo là Ngày Làm Việc thứ 07 (bảy) trước ngày đầu tiên của mỗi Kỳ Tính Lãi.
- Kỳ Tính Lãi có nghĩa là mỗi giai đoạn kéo dài kể từ và bao gồm Ngày Phát Hành hoặc từ và bao gồm Ngày Thanh Toán Lãi liền trước cho đến nhưng không bao gồm Ngày Thanh Toán Lãi tương ứng của Kỳ Tính Lãi đó.

7. Phương thức phân phối: Bán trực tiếp cho các nhà đầu tư tại Trụ sở chính, Chi nhánh, Phòng Giao dịch của Tổ Chức Phát Hành.

B. PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU ĐỢT 3 CẬP NHẬT:

Ngày 29/06/2026, Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Kiên Long đã thông qua Nghị quyết số 11/NQ-HĐQT về việc điều chỉnh Phương án phát hành và Phương án sử dụng vốn Trái phiếu Ngân hàng TMCP Kiên Long phát hành ra công chúng.

Theo đó, phương án chào bán Trái Phiếu đã được phê duyệt theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Chào Bán đối với Đợt 3 (Trái Phiếu KLB7Y202503) được cập nhật như sau:

1. Tổng số lượng Trái Phiếu KLB7Y202503 chào bán: 17.774.676 (Mười bảy triệu bảy trăm bảy mươi bốn nghìn sáu trăm bảy mươi sáu) Trái Phiếu. Cụ thể:

S T T	Đợt	Mã Trái Phiếu	Số lượng Trái Phiếu Đợt 2 chưa chào bán hết (Trái phiếu)	Số lượng Trái Phiếu chào bán dự kiến Đợt 3 đã được phê duyệt (Trái phiếu)	Số lượng Trái Phiếu đăng ký chào bán Đợt 3 (Trái phiếu)	Thời gian chào bán dự kiến
1	Đợt 3	KLB7Y202503	7.774.676	10.000.000	17.774.676	Quý III/2026 - Quý IV/2026

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

S T T	Đợt	Mã Trái Phiếu	Số lượng Trái Phiếu Đợt 2 chưa chào bán hết (Trái phiếu)	Số lượng Trái Phiếu chào bán dự kiến Đợt 3 đã được phê duyệt (Trái phiếu)	Số lượng Trái Phiếu đăng ký chào bán Đợt 3 (Trái phiếu)	Thời gian chào bán dự kiến
		Tổng cộng	7.774.676	10.000.000	17.774.676	

2. Tổng giá trị Trái Phiếu KLB7Y202503 chào bán theo mệnh giá: 1.777.467.600.000 VND (Một nghìn bảy trăm bảy mươi bảy tỷ bốn trăm sáu mươi bảy triệu sáu trăm nghìn đồng).

3. Lãi suất Trái Phiếu KLB7Y202503: Lãi suất thả nổi, được xác định theo công thức sau:

Lãi suất = Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ 2,8%/năm (hai phẩy tám phần trăm một năm)

Trong đó:

- Lãi Suất Tham Chiếu đối với mỗi Kỳ Tính Lãi, có nghĩa là lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân, bằng Đồng Việt Nam, kỳ hạn 24 tháng, trả lãi cuối kỳ, được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức (website) của KienlongBank tại Ngày Xác Định Lãi Suất.
- Ngày Xác Định Lãi Suất đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên là ngày bắt đầu nhận đơn đăng ký mua Trái Phiếu của Đợt 3. Ngày Xác Định Lãi Suất đối với các Kỳ Tính Lãi tiếp theo là Ngày Làm Việc thứ 07 (bảy) trước ngày đầu tiên của mỗi Kỳ Tính Lãi.
- Kỳ Tính Lãi có nghĩa là mỗi giai đoạn kéo dài kể từ và bao gồm Ngày Phát Hành hoặc từ và bao gồm Ngày Thanh Toán Lãi liền trước cho đến nhưng không bao gồm Ngày Thanh Toán Lãi tương ứng của Kỳ Tính Lãi đó.

III. KẾT QUẢ CÁC ĐỢT CHÀO BÁN TRƯỚC

1. Kết quả chào bán Đợt 1

- Số lượng Trái Phiếu đã phát hành: **10.000.000** (mười triệu) Trái Phiếu, trong đó:

STT	Mã Trái Phiếu	Số lượng Trái Phiếu chào bán (Trái phiếu)	Số lượng Trái Phiếu đã phát hành (Trái phiếu)	Số lượng Trái Phiếu chưa chào bán hết (Trái phiếu)
1	KLB7Y202501	10.000.000	10.000.000	0
Tổng cộng		10.000.000	10.000.000	0

- Ngày kết thúc đợt chào bán: **10/12/2025**.

2. Kết quả chào bán Đợt 2

- Số lượng Trái Phiếu đã phát hành: **2.225.324** (hai triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn ba trăm hai mươi tư) Trái Phiếu, trong đó:

STT	Mã Trái Phiếu	Số lượng Trái Phiếu chào bán (Trái phiếu)	Số lượng Trái Phiếu đã phát hành (Trái phiếu)	Số lượng Trái Phiếu chưa chào bán hết (Trái phiếu)
1	KLB7Y202502	10.000.000	2.225.324	7.774.676

Tổng cộng	10.000.000	2.225.324	7.774.676
------------------	-------------------	------------------	------------------

- Ngày kết thúc đợt chào bán: 28/04/2026.

IV. NHỮNG THÔNG TIN THAY ĐỔI TRONG BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG PHÁT HÀNH RA CÔNG CHỨNG THEO GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG SỐ 410/GCN-UBCK DO CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP NGÀY 28/10/2025 (“Bản Cáo Bạch”)

A. THÔNG TIN VỀ TÀI CHÍNH:

1. Cập nhật Thông tin về chứng khoán đang lưu hành tại Bản Cáo Bạch

1.1 Cổ phiếu phổ thông

Bảng 1: Cơ cấu sở hữu cổ phiếu phổ thông của KienlongBank tại ngày 29/04/2026

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Cổ phiếu quỹ	1	3.800.000	0,65%
2	Trong nước	4.557	568.032.498	97,57%
a	Cá nhân trong nước	4.533	453.286.735	77,86%
b	Tổ chức trong nước	24	114.745.763	19,71%
3	Nước ngoài	38	10.338.028	1,78%
a	Cá nhân nước ngoài	32	171.048	0,03%
b	Tổ chức nước ngoài, tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	6	10.166.980	1,75%
	Tổng cộng	4.596	582.170.526	100,00%

Nguồn: Danh sách cổ đông của KienlongBank do VSDC cung cấp ngày 29/04/2026

1.2 Các loại chứng khoán khác

- Trái phiếu phát hành ra công chúng

- Khối lượng trái phiếu phát hành ra công chúng đang lưu hành: 3.722.532.400.000 VND.
- Đặc điểm: Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để được tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Phát Hành.

- Trái phiếu phát hành riêng lẻ

- Khối lượng trái phiếu phát hành riêng lẻ đang lưu hành: 0 VND.
- Đặc điểm: Không có.

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

Bảng 2: Chi tiết các loại trái phiếu đang lưu hành

TT	Mã trái phiếu	Ngày phát hành	Giá trị mệnh giá đang lưu hành (đồng)	Lãi suất	Kỳ hạn (năm)	Điều khoản điều kiện quan trọng
I	Năm 2024					
Trái phiếu ra công chúng						
1	KLB7Y202401	21/12/2024	800.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Phát Hành
II	Năm 2025					
Trái phiếu ra công chúng						
1	KLB7Y202402	29/04/2025	800.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Phát Hành
2	KLB7Y202403	31/07/2025	900.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Phát Hành
3	KLB7Y202501	10/12/2025	1.000.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Phát Hành
III	Năm 2026					

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

TT	Mã trái phiếu	Ngày phát hành	Giá trị mệnh giá đang lưu hành (đồng)	Lãi suất	Kỳ hạn (năm)	Điều khoản điều kiện quan trọng
1	KLB7Y202502	28/04/2026	222.532.400.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Phát Hành
Tổng			3.722.532.400.000			

Nguồn: KienlongBank

2. Cập nhật Đặc điểm hoạt động kinh doanh tại Bản Cáo Bạch

2.1 Cơ cấu doanh thu theo loại sản phẩm, dịch vụ

Bảng 3: Cơ cấu doanh thu của KienlongBank (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		% tăng/ giảm	3 tháng đầu năm 2026	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	7.111	85,10%	8.397	83,14%	18,08%	2.233	86,18%
2	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	557	6,67%	933	9,24%	67,50%	107	4,13%
3	Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	432	5,17%	274	2,71%	-36,57%	177	6,83%
4	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	4	0,05%	5	0,05%	25,00%	0	0,00%
5	Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	0	0,00%	63	0,62%	-	26	1,00%
6	Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	27	0,32%	1	0,01%	-96,30%	1	0,04%
7	Thu nhập từ hoạt động khác	225	2,69%	427	4,23%	89,78%	47	1,81%
	Tổng cộng thu nhập hoạt động	8.356	100,00%	10.100	100,00%	20,87%	2.591	100,00%

Nguồn: BCTC riêng năm 2024, 2025 đã được kiểm toán và BCTC riêng Quý I năm 2026 của KienlongBank

Bảng 4: Cơ cấu doanh thu của KienlongBank (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		% tăng/ giảm	3 tháng đầu năm 2026	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	7.111	84,96%	8.397	83,02%	18,08%	2.233	86,05%
2	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	575	6,87%	952	9,41%	65,57%	111	4,28%
3	Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	432	5,16%	274	2,71%	-36,57%	177	6,82%
4	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	0	0,00%	0	0,00%	-	0	0,00%
5	Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	0	0,00%	63	0,62%	-	26	1,00%
6	Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	27	0,32%	1	0,01%	-96,30%	1	0,04%
7	Thu nhập từ hoạt động khác	225	2,69%	427	4,22%	89,78%	47	1,81%
	Tổng cộng thu nhập hoạt động	8.370	100,00%	10.114	100,00%	20,84%	2.595	100,00%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024, 2025 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý I năm 2026 của KienlongBank

2.2 Hoạt động huy động vốn

a) Nguồn vốn huy động

Bảng 5: Cơ cấu và tỷ trọng nguồn vốn huy động (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		% tăng/ giảm	31/03/2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
I. Loại hình							
Tiền gửi và vay các TCTD khác	15.126	18,24%	15.875	17,32%	4,95%	20.663	21,18%
Tiền gửi của khách hàng	63.761	76,90%	72.204	78,78%	13,24%	73.334	75,17%
Phát hành giấy tờ có giá	4.028	4,86%	3.568	3,89%	-11,42%	3.567	3,66%
Tổng cộng	82.915	100,00%	91.647	100,00%	10,53%	97.564	100,00%
II. Trong nước/Ngoài nước							

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		% tăng/ giảm	31/03/2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Trong nước	82.915	100,00%	91.647	100,00%	10,53%	97.564	100,00%
Ngoài nước	0	0,00%	0	0,00%	-	0	0,00%
Tổng cộng	82.915	100,00%	91.647	100,00%	10,53%	97.564	100,00%

Nguồn: BCTC riêng năm 2024, 2025 đã được kiểm toán và BCTC riêng Quý I năm 2026 của KienlongBank

Bảng 6: Cơ cấu và tỷ trọng nguồn vốn huy động (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		% tăng/ giảm	31/03/2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
I. Loại hình							
Tiền gửi và vay các TCTD khác	15.126	18,32%	15.875	17,38%	4,95%	20.663	21,24%
Tiền gửi của khách hàng	63.521	76,93%	72.010	78,82%	13,36%	73.137	75,19%
Phát hành giấy tờ có giá	3.928	4,76%	3.475	3,80%	-11,53%	3.475	3,57%
Tổng cộng	82.575	100,00%	91.360	100,00%	10,64%	97.275	100,00%
II. Trong nước/Ngoài nước							
Trong nước	82.575	100,00%	91.360	100,00%	10,64%	97.275	100,00%
Ngoài nước	0	0,00%	0	0,00%	-	0	0,00%
Tổng cộng	82.575	100,00%	91.360	100,00%	10,64%	97.275	100,00%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024, 2025 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý I năm 2026 của KienlongBank

Tổng nguồn vốn huy động tại thời điểm cuối năm 2025 (theo số liệu hợp nhất) của KienlongBank đạt 91.360 tỷ VND, tăng 10,64% so với cuối năm 2024, trong đó:

- Tiền gửi của khách hàng chiếm 78,82% tổng nguồn vốn huy động. Nguồn vốn huy động từ Tiền gửi của khách hàng chiếm tỷ trọng lớn trong tổng nguồn vốn huy động là do tính chất tương đối ổn định và lãi suất huy động cạnh tranh, là yếu tố quan trọng để Ngân hàng đẩy mạnh hoạt động cho vay. Tính đến 31/12/2025, Tiền gửi của khách hàng đạt 72.010 tỷ VND (tăng 13,36% so với cuối năm 2024) nhờ KienlongBank thực hiện chiến lược phát triển phân khúc bán lẻ và gia tăng hiệu quả trong hoạt động huy động tiền gửi.
- Tiền gửi và vay các TCTD khác đạt 15.875 tỷ VND, tăng 4,95% so với cuối năm 2024 và chiếm 17,38% tổng nguồn vốn huy động.

Tại thời điểm 31/03/2026, tổng nguồn vốn huy động hợp nhất của Ngân hàng đạt 97.275 tỷ VND. Trong đó, Tiền gửi của khách hàng và Tiền gửi và vay các TCTD khác chiếm lần lượt 75,19%

và 21,24% tổng nguồn vốn huy động.

b) Huy động từ Phát hành giấy tờ có giá

Tại thời điểm 31/12/2025, tổng số dư phát hành giấy tờ có giá hợp nhất đạt 3.475 tỷ VND, giảm 11,53% so với cuối năm 2024. Mức giảm chủ yếu đến từ sự suy giảm của hoạt động phát hành chứng chỉ tiền gửi, được thay thế bằng hoạt động phát hành trái phiếu. Cụ thể, giá trị chứng chỉ tiền gửi hợp nhất tại thời điểm cuối năm 2025 đạt gần 67 tỷ VND, so với mức 3.128 tỷ đồng vào cuối năm 2024. Trong khi đó, giá trị trái phiếu tại ngày 31/12/2025 đạt 3.409 tỷ, so với mức 800 tỷ vào cuối năm 2024. Việc phát hành giấy tờ có giá của KienlongBank không chỉ giúp bổ sung nguồn vốn huy động trung dài hạn tương ứng với nhu cầu cho vay, đảm bảo hoạt động kinh doanh an toàn, hiệu quả mà còn giúp Ngân hàng đa dạng hóa các sản phẩm huy động vốn để nâng cao năng lực cạnh tranh của Ngân hàng và là thước đo uy tín, vị thế, thương hiệu của Ngân hàng trên thị trường.

Tại thời điểm 31/03/2026, tổng số dư Giấy tờ có giá phát hành đạt 3.475 tỷ VND.

c) Huy động từ tiền gửi của khách hàng

Tiền gửi của khách hàng luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng nguồn vốn huy động, chiếm trung bình 77,88% tổng nguồn vốn huy động hợp nhất của KienlongBank trong giai đoạn 2024 - 2025 và chiếm 75,19% tổng nguồn vốn huy động hợp nhất của KienlongBank tại thời điểm 31/03/2026.

Bảng 7: Cơ cấu tiền gửi của khách hàng (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Khoản mục	31/12/2024		31/12/2025		% tăng/ giảm	31/03/2026	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
	Tổng tiền gửi của khách hàng	63.761	100,00%	72.204	100,00%	13,24%	73.334	100%
1	Phân theo khách hàng (%)							
-	Cá nhân	60.037	94,16%	67.785	93,88%	12,91%	70.272	95,82%
-	Tổ chức	3.724	5,84%	4.419	6,12%	18,66%	3.062	4,18%
2	Phân theo kỳ hạn (%)							
-	Tiền gửi không kỳ hạn	4.092	6,42%	5.867	8,13%	43,38%	4.360	5,95%
-	Tiền gửi có kỳ hạn	59.660	93,57%	66.328	91,86%	11,18%	68.966	94,04%
-	Tiền gửi ký quỹ	9	0,01%	9	0,01%	0,00%	8	0,01%
3	Phân theo loại tiền (%)							
-	VND	63.708	99,92%	72.139	99,91%	13,23%	73.266	99,91%
-	Ngoại tệ	53	0,08%	65	0,09%	22,64%	68	0,09%

Nguồn: BCTC riêng năm 2024, 2025 đã được kiểm toán và BCTC riêng Quý I năm 2026 của KienlongBank

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

Bảng 8: Cơ cấu tiền gửi của khách hàng (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Khoản mục	31/12/2024		31/12/2025		% tăng/ giảm	31/03/2026	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
	Tổng tiền gửi của khách hàng	63.521	100,00%	72.010	100,00%	13,36%	73.137	100,00%
1	Phân theo khách hàng (%)							
-	Cá nhân	60.037	94,52%	67.785	94,13%	12,91%	70.272	96,08%
-	Tổ chức	3.484	5,48%	4.225	5,87%	21,27%	2.865	3,92%
2	Phân theo kỳ hạn (%)							
-	Tiền gửi không kỳ hạn	4.092	6,44%	5.861	8,14%	43,23%	4.353	5,95%
-	Tiền gửi có kỳ hạn	59.420	93,55%	66.141	91,85%	11,31%	68.776	94,04%
-	Tiền gửi ký quỹ	9	0,01%	8	0,01%	-11,11%	8	0,01%
3	Phân theo loại tiền (%)							
-	VND	63.468	99,92%	71.945	99,91%	13,36%	73.070	99,91%
-	Ngoại tệ	53	0,08%	65	0,09%	22,80%	67	0,09%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024, 2025 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý I năm 2026 của KienlongBank

Về loại hình khách hàng, theo số liệu hợp nhất, tiền gửi của KHCN chiếm tỷ trọng chính trong cơ cấu tiền gửi của khách hàng, đạt trung bình 94,33% tổng tiền gửi của khách hàng trong giai đoạn 2024 - 2025 và đạt 96,08% tổng tiền gửi của khách hàng tại thời điểm 31/03/2026. Điều này thể hiện sự ổn định của cơ cấu nguồn vốn huy động, phù hợp với chiến lược phát triển mảng Ngân hàng bán lẻ của KienlongBank trong những năm qua.

Về kỳ hạn, theo số liệu hợp nhất, tiền gửi có kỳ hạn của KienlongBank chiếm trung bình 92,70% tổng tiền gửi của khách hàng trong giai đoạn 2024 - 2025, đảm bảo tính ổn định cho nguồn vốn của toàn hệ thống. Tại thời điểm 31/03/2026, tiền gửi có kỳ hạn chiếm 94,04% tổng tiền gửi của khách hàng trong khi đó tiền gửi không kỳ hạn ở mức 5,95%.

Về loại hình tiền tệ, theo số liệu hợp nhất, tiền gửi nội tệ luôn chiếm tỷ trọng lớn hơn nhiều so với tiền gửi ngoại tệ. Tỷ trọng tiền gửi nội tệ chiếm trung bình 99,92% tổng tiền gửi của khách hàng trong giai đoạn 2024 - 2025 và chiếm 99,91% tổng tiền gửi của khách hàng tại thời điểm 31/03/2026.

2.3 Hoạt động tín dụng

a) Quy mô, cơ cấu và tốc độ tăng trưởng tín dụng

Dư nợ cho vay khách hàng của KienlongBank tại thời điểm cuối năm 2025 đạt 71.588 tỷ VND, tăng 16,53% so với cuối năm 2024. Tại thời điểm 31/03/2026, dư nợ cho vay khách hàng của KienlongBank đạt 73.235 tỷ VND. Với mục tiêu phát triển bền vững, KienlongBank xác định tăng trưởng tín dụng phải gắn với huy động vốn, đồng thời phát triển dịch vụ cũng như kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng và luôn đảm bảo tuân thủ theo các quy định của NHNN.

Bảng 9: Dư nợ cho vay khách hàng theo kỳ hạn (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		% tăng/ giảm	31/03/2026	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Nợ ngắn hạn	38.555	62,76%	37.632	52,57%	-2,39%	35.229	48,10%
2	Nợ trung hạn	19.622	31,94%	26.908	37,59%	37,13%	30.879	42,16%
3	Nợ dài hạn	3.255	5,30%	7.048	9,85%	116,53%	7.127	9,73%
	Tổng	61.432	100,00%	71.588	100,00%	16,53%	73.235	100,00%

Nguồn: BCTC riêng năm 2024, 2025 đã được kiểm toán và BCTC riêng Quý I năm 2026 của KienlongBank

Bảng 10: Dư nợ cho vay khách hàng theo kỳ hạn (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		% tăng/ giảm	31/03/2026	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Nợ ngắn hạn	38.555	62,76%	37.632	52,57%	-2,39%	35.229	48,10%
2	Nợ trung hạn	19.622	31,94%	26.908	37,59%	37,13%	30.879	42,16%
3	Nợ dài hạn	3.255	5,30%	7.048	9,85%	116,53%	7.127	9,73%
	Tổng	61.432	100,00%	71.588	100,00%	16,53%	73.235	100,00%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024, 2025 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý I năm 2026 của KienlongBank

Xét về kỳ hạn các khoản vay:

Tại ngày 31/12/2025, theo số liệu hợp nhất, dư nợ cho vay ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn nhất với tỷ trọng 52,57%, đạt 37.632 tỷ VND (giảm 2,39% so với cuối năm 2024). Thứ hai là dư nợ cho vay trung hạn với tỷ trọng 37,59%, đạt 26.908 tỷ VND (tăng 37,13% so với cuối năm 2024). Thứ ba là dư nợ cho vay dài hạn với tỷ trọng 9,85%, đạt 7.048 tỷ VND (tăng 116,53% so với cuối năm 2024). Nguyên nhân dư nợ cho vay trung hạn và dài hạn tăng mạnh là do (1) Chính sách của NHNN và Chính phủ nhằm thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế trong năm 2025, trong đó đẩy mạnh phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh; (2) Mặt bằng lãi suất duy trì ở mức thấp và ổn định tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp và cá nhân tiếp cận vay vốn trung/dài hạn để mua sắm, đầu tư tài sản cố định (thay vì chỉ vay ngắn hạn bổ sung vốn lưu động), đặc biệt trong bối cảnh kinh tế phục hồi, cơ sở hạ tầng, hoạt động sản xuất kinh doanh phát triển; (3) Theo nhu cầu thực tế của nền kinh tế và nhu cầu của khách hàng.

Tại ngày 31/3/2026, dư nợ cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn hợp nhất đạt lần lượt 35.229 tỷ VND (tương đương tỷ trọng 48,10%), 30.879 tỷ VND (tương đương tỷ trọng 42,16%) và 7.127 tỷ VND (tương đương tỷ trọng 9,73%).

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

Xét về nhóm ngành cho vay:

Phân theo ngành kinh tế, các khoản vay thuộc nhóm ngành xây dựng và ngành bán buôn - bán lẻ - sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ là hai nhóm ngành chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng dư nợ cho vay của KienlongBank. Các khoản vay phục vụ hai nhóm ngành nghề này chiếm tổng tỷ trọng 69,14% cơ cấu dư nợ tín dụng hợp nhất tại thời điểm 31/12/2025 và 70,61% cơ cấu dư nợ tín dụng hợp nhất tại thời điểm 31/03/2026. Theo định hướng phát triển ngân hàng bán lẻ và SME, KienlongBank sẽ đẩy mạnh khai thác KHCN và các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Xét về đối tượng khách hàng:

Đối với nhóm KHCN: Được xác định là một trong những nhóm khách hàng mục tiêu, KienlongBank đã có những nỗ lực trong việc mở rộng và phát triển mạng lưới khách hàng này. Các dòng sản phẩm cho vay đối với cá nhân không ngừng được cải tiến và thiết kế phù hợp với các nhu cầu của khách hàng mà vẫn đảm bảo độ an toàn cho KienlongBank. Dư nợ cho vay đối tượng khách hàng hộ kinh doanh và cá nhân hợp nhất của KienlongBank đạt 15.539 tỷ VND tại thời điểm 31/12/2025 và 15.555 tỷ VND tại thời điểm 31/03/2026, chiếm lần lượt 21,71% và 21,24% tổng dư nợ cho vay.

Đối với KHDN: Theo định hướng đa dạng hóa sản phẩm và số hóa các sản phẩm, dịch vụ tài chính nhằm mang lại trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng. Đặc biệt, đối với đối tượng KHDN nhỏ và vừa, KienlongBank đã triển khai hàng loạt các gói tín dụng ưu đãi về lãi suất và phí giao dịch, góp phần thúc đẩy sự phát triển của cộng đồng địa phương và doanh nghiệp. Bên cạnh đó, tài trợ chuỗi tiếp tục thể hiện vai trò chủ lực, thương hiệu và lợi thế cạnh tranh của KienlongBank khi thiết lập quan hệ đến nhiều khách hàng là các tập đoàn, tổng công ty, các công ty đa quốc gia trong nhiều lĩnh vực khác nhau: Sản xuất hàng tiêu dùng nhanh, chăn nuôi, nước giải khát, sắn thép, xăng dầu, hàng không và vận tải... qua đó có thể đẩy mạnh các giải pháp tài trợ cho các nhà phân phối, nhà thầu... từ những lĩnh vực này. Xét về loại hình doanh nghiệp, công ty trách nhiệm hữu hạn chiếm phần lớn tỉ trọng trong đối tượng KHDN nói riêng và đối tượng khách hàng nói chung. Dư nợ cho vay công ty trách nhiệm hữu hạn hợp nhất của KienlongBank đạt 51.878 tỷ VND tại thời điểm 31/12/2025 và 53.079 tỷ VND tại thời điểm 31/03/2026, chiếm lần lượt 72,47% và 72,48% dư nợ cho vay khách hàng.

b) Hoạt động bảo lãnh

Hoạt động bảo lãnh là một phần của hoạt động cấp tín dụng của KienlongBank. Tổng số dư bảo lãnh hợp nhất của KienlongBank tại thời điểm 31/12/2025 đạt 1.720 tỷ VND, so với mức 4.131 tỷ VND tại thời điểm cuối năm 2024. Tại thời điểm 31/03/2026, số dư bảo lãnh hợp nhất của KienlongBank đạt 2.820 tỷ VND.

c) Chất lượng nợ cho vay

Về phân loại dư nợ tín dụng, KienlongBank đặc biệt chú trọng công tác kiểm soát chất lượng nợ cho vay. Đây là một trong những tiêu chí quan trọng đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh và khả năng tăng trưởng bền vững của Ngân hàng.

Tỷ lệ nợ xấu của KienlongBank hợp nhất tại thời điểm 31/03/2026 ở mức 1,90% tổng dư nợ cho vay khách hàng, so với mức 1,86% tại thời điểm 31/12/2025 và mức 2,02% tại thời điểm 31/12/2024.

Bảng 11: Phân loại nợ cho vay khách hàng theo chất lượng (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		% tăng/ giảm	31/03/2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Nợ đủ tiêu chuẩn	59.354	96,62%	69.419	96,97%	16,96%	70.996	96,94%
Nợ cần chú ý	838	1,36%	834	1,16%	-0,48%	847	1,16%
Nợ dưới tiêu chuẩn	231	0,38%	239	0,33%	3,46%	278	0,38%
Nợ nghi ngờ	170	0,28%	470	0,66%	176,47%	463	0,63%
Nợ có khả năng mất vốn	839	1,37%	626	0,87%	-25,39%	651	0,89%
Tổng cộng	61.432	100,00%	71.588	100,00%	16,53%	73.235	100,00%

Nguồn: BCTC riêng năm 2024, 2025 đã được kiểm toán và BCTC riêng Quý I năm 2026 của KienlongBank

Bảng 12: Phân loại nợ cho vay khách hàng theo chất lượng (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		% tăng/ giảm	31/03/2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Nợ đủ tiêu chuẩn	59.354	96,62%	69.419	96,97%	16,96%	70.996	96,94%
Nợ cần chú ý	838	1,36%	834	1,16%	-0,48%	847	1,16%
Nợ dưới tiêu chuẩn	231	0,38%	239	0,33%	3,46%	278	0,38%
Nợ nghi ngờ	170	0,28%	470	0,66%	176,47%	463	0,63%
Nợ có khả năng mất vốn	839	1,37%	626	0,87%	-25,39%	651	0,89%
Tổng cộng	61.432	100,00%	71.588	100,00%	16,53%	73.235	100,00%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024, 2025 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý I năm 2026 của KienlongBank

Nhằm đảm bảo công tác kiểm soát và xử lý nợ xấu, việc trích lập dự phòng rủi ro các khoản vay của khách hàng, công nợ tiềm ẩn và các cam kết ngoại bảng được KienlongBank nghiêm túc thực hiện theo các quy định hiện hành, tỷ lệ bao phủ nợ xấu (LLR) hợp nhất của Ngân hàng tính đến thời điểm 31/03/2026 đạt 85,62%, so với mức 88,01% tại thời điểm 31/12/2025 và mức 78,97% tại thời điểm 31/12/2024, đảm bảo hiệu quả phòng ngừa cho rủi ro tiềm tàng. Việc theo dõi, thực hiện trích lập dự phòng rủi ro đã hỗ trợ hữu ích cho Ngân hàng trong quản lý, giảm thiểu nợ xấu và tăng cường hiệu quả hoạt động kinh doanh.

Bảng 13: Số dư dự phòng rủi ro cho vay khách hàng (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ đồng

Thời điểm	Dự phòng cụ thể	Dự phòng chung	Tổng cộng
31/12/2024	526	454	980
31/12/2025	642	532	1.174

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Thời điểm	Dự phòng cụ thể	Dự phòng chung	Tổng cộng
31/03/2026	646	545	1.191

Nguồn: BCTC riêng năm 2024, 2025 đã được kiểm toán và BCTC riêng Quý I năm 2026 của KienlongBank

Bảng 14: Số dư dự phòng rủi ro cho vay khách hàng (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

Thời điểm	Dự phòng cụ thể	Dự phòng chung	Tổng cộng
31/12/2024	526	454	980
31/12/2025	642	532	1.174
31/03/2026	646	545	1.191

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024, 2025 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý I năm 2026 của KienlongBank

Ngân hàng thực hiện việc phân loại nợ theo Thông tư số 11/2021/TT-NHNN ngày 30/7/2021 của NHNN (“**Thông tư 11**”) quy định về phân loại tài sản Có, mức trích lập phương pháp trích lập và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các văn bản sửa đổi, bổ sung của NHNN từng thời điểm và theo chính sách phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng của Ngân hàng. Từ ngày 01/07/2024, Ngân hàng thực hiện phân loại nợ theo Thông tư số 31/2024/TT-NHNN ngày 30/06/2024 của NHNN (“**Thông tư 31**”) quy định về phân loại tài sản Có trong hoạt động của ngân hàng thương mại, TCTD phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Theo đó, tỷ lệ nợ xấu đối với các tài sản có rủi ro tín dụng của KienlongBank theo quy định của Thông tư 31 ở thời điểm 31/03/2026 được kiểm soát dưới 3%.

d) Tỷ lệ an toàn vốn

Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (CAR) hợp nhất của KienlongBank tại thời điểm 31/03/2026 là 14,11%, so với mức 14,38% tại thời điểm 31/12/2025 và 12,27% tại thời điểm 31/12/2024. Tỷ lệ này qua các năm đều đáp ứng các quy định hiện hành của NHNN.

Bảng 15: Tỷ lệ an toàn vốn

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	31/03/2026
Tỷ lệ an toàn vốn – riêng lẻ	12,00%	14,26%	13,55%
Tỷ lệ an toàn vốn – hợp nhất	12,27%	14,38%	14,11%

Nguồn: KienlongBank, tỷ lệ tính theo Thông tư 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 (“**Thông Tư 41**”)

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

2.4 Hoạt động kinh doanh ngoại hối và thanh toán

a) Hoạt động kinh doanh ngoại hối

Bảng 16: Hoạt động kinh doanh ngoại hối (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng/giảm	3 tháng đầu năm 2026
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	432	274	-36,57%	177
Chi phí cho hoạt động kinh doanh ngoại hối	390	186	-52,31%	149
Lãi thuần kinh doanh ngoại hối	42	88	109,52%	28

Nguồn: BCTC riêng năm 2024, 2025 đã được kiểm toán và BCTC riêng Quý I năm 2026 của KienlongBank

Bảng 17: Hoạt động kinh doanh ngoại hối (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng/giảm	3 tháng đầu năm 2026
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	432	274	-36,57%	177
Chi phí cho hoạt động kinh doanh ngoại hối	390	186	-52,31%	149
Lãi thuần kinh doanh ngoại hối	42	88	109,52%	28

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024, 2025 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý I năm 2026 của KienlongBank

Năm 2025, lãi thuần từ kinh doanh ngoại hối hợp nhất của KienlongBank đạt 88 tỷ VND, tăng 109,52% so với năm 2024. Nguyên nhân lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối tăng mạnh là do: (i) biến động tỷ giá gia tăng, tạo điều kiện cải thiện chênh lệch mua bán ngoại tệ; (ii) nhu cầu giao dịch ngoại tệ của khách hàng tăng, đặc biệt từ nhóm doanh nghiệp xuất nhập khẩu; và (iii) Ngân hàng chủ động tối ưu cơ cấu giao dịch ngoại tệ, kiểm soát rủi ro hiệu quả, qua đó hạn chế thua lỗ và cải thiện kết quả kinh doanh ngoại hối.

Trong 3 tháng đầu năm 2026, lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối hợp nhất đạt 28 tỷ VND.

b) Hoạt động thanh toán trong nước

Năm 2025, doanh số đi và đến của hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng đạt 7.913.802 tỷ VND, so với mức 4.970.222 tỷ VND năm 2024. Nguyên nhân doanh số đi và đến của hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng tăng mạnh là do nhu cầu chuyển và nhận tiền của khách hàng tăng cao. Trong 3 tháng đầu năm 2026, doanh số đi và đến của hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng đạt 2.631.504 tỷ VND.

Bên cạnh đó, doanh số đi và đến của hệ thống thanh toán song phương đạt 23.953 tỷ VND trong năm 2025, so với mức 59.439 tỷ VND năm 2024. Nguyên nhân doanh số đi và đến của hệ thống

thanh toán song phương giảm mạnh là do các giao dịch chuyển tiền ngoại tệ của ngân hàng được ưu tiên chuyển qua kênh thanh toán quốc tế/kênh thanh toán khác. Trong 3 tháng đầu năm 2026, doanh số đi và đến của hệ thống thanh toán song phương đạt 4.509 tỷ VND.

c) Hoạt động thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại

Năm 2025, hoạt động thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại tại KienlongBank có doanh thu phí đạt 420,73 tỷ VND, so với mức 22,29 tỷ VND của năm 2024. Nguyên nhân doanh thu phí hoạt động thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại tăng mạnh trong năm 2025 là do tiến độ thanh toán của các khoản phí tài trợ thương mại được thực hiện theo thỏa thuận với khách hàng phát sinh trong giai đoạn này. Trong 3 tháng đầu năm 2026, hoạt động thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại tại KienlongBank có doanh thu phí đạt 4,82 tỷ VND.

2.5 Hoạt động kinh doanh khác

a) Hoạt động đầu tư tài chính

Tổng giá trị đầu tư chứng khoán hợp nhất đạt 3.013 tỷ VND tại thời điểm 31/12/2025, tăng 1,31% so với cuối năm 2024. Tại thời điểm 31/03/2026, tổng giá trị đầu tư chứng khoán hợp nhất đạt 3.012 tỷ VND. Trong đó, đầu tư trái phiếu Chính phủ chiếm 100% tổng danh mục đầu tư của KienlongBank.

Bảng 18: Hoạt động đầu tư tài chính (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		% tăng/ giảm	31/03/2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Trái phiếu Chính phủ	2.974	85,61%	3.013	85,77%	1,31%	3.012	85,76%
Góp vốn đầu tư dài hạn khác	500	14,39%	500	14,23%	0,00%	500	14,24%
Tổng cộng	3.474	100,00%	3.513	100,00%	1,12%	3.512	100,00%

Nguồn: BCTC riêng năm 2024, 2025 đã được kiểm toán và BCTC riêng Quý I năm 2026 của KienlongBank

Bảng 19: Hoạt động đầu tư tài chính (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		% tăng/ giảm	31/03/2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Trái phiếu Chính phủ	2.974	100,00%	3.013	100,00%	1,31%	3.012	100,00%
Tổng cộng	2.974	100,00%	3.013	100,00%	1,31%	3.012	100,00%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024, 2025 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý I năm 2026 của KienlongBank

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

3. Cập nhật Tài sản tại Bản Cáo Bạch

Bảng 20: Chi tiết tài sản cố định hữu hình (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ đồng

Tài sản	31/12/2024			31/12/2025			31/03/2026		
	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Nhà cửa, vật kiến trúc	729	245	484	729	273	456	729	280	449
Máy móc thiết bị	83	53	30	84	58	26	84	59	25
Phương tiện vận tải	150	112	37	168	115	53	149	99	50
Thiết bị, dụng cụ quản lý	184	120	64	202	132	70	205	134	71
TSCĐ hữu hình khác	23	16	7	23	16	6	24	17	7
Tổng cộng	1.169	546	622	1.206	594	612	1.191	589	602

Nguồn: BCTC riêng năm 2024, 2025 đã được kiểm toán và BCTC riêng Quý I năm 2026 của KienlongBank

Bảng 21: Chi tiết tài sản cố định hữu hình (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

Tài sản	31/12/2024			31/12/2025			31/03/2026		
	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Nhà cửa, vật kiến trúc	729	245	483	729	273	456	728	279	449
Máy móc thiết bị	83	53	30	83	58	25	84	59	25
Phương tiện vận tải	152	114	38	170	117	53	152	101	51
Thiết bị, dụng cụ quản lý	184	120	64	203	132	71	205	135	70
TSCĐ hữu hình khác	23	16	7	23	17	6	24	17	7
Tổng cộng	1.171	548	623	1.208	597	612	1.193	591	602

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024, 2025 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý I năm 2026 của KienlongBank

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

Bảng 22: Chi tiết tài sản cố định vô hình (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ đồng

Tài sản	31/12/2024			31/12/2025			31/03/2026		
	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Quyền sử dụng đất	686	14	672	686	16	670	645	17	628
Phần mềm máy vi tính	227	109	118	229	129	100	229	135	94
TSCĐ vô hình khác	20	19	1	20	20	0	20	20	0
Tổng cộng	933	142	792	935	165	770	894	172	722

Nguồn: BCTC riêng năm 2024, 2025 đã được kiểm toán và BCTC riêng Quý I năm 2026 của KienlongBank

Bảng 23: Chi tiết tài sản cố định vô hình (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

Tài sản	31/12/2024			31/12/2025			31/03/2026		
	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Quyền sử dụng đất	686	14	672	686	16	670	645	16	629
Phần mềm máy vi tính	228	109	118	230	130	100	230	136	94
TSCĐ vô hình khác	20	19	1	20	20	0	20	20	0
Tổng cộng	934	142	792	936	166	770	895	172	723

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024, 2025 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý I năm 2026 của KienlongBank

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

4. Cập nhật Thị trường hoạt động tại Bản Cáo Bạch

4.1 Tình hình lợi nhuận trước thuế theo khu vực địa lý

Bảng 24: Tình hình lợi nhuận trước thuế theo khu vực địa lý (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Khu vực thị trường	Năm 2024	Năm 2025	3 tháng đầu năm 2026
1	Miền Bắc	399	860	103
2	Miền Trung	62	148	4
3	Miền Nam	649	1.309	412
Tổng cộng		1.110	2.317	519

Nguồn: BCTC riêng năm 2024, 2025 đã được kiểm toán và BCTC riêng Quý I năm 2026 của KienlongBank

Bảng 25: Tình hình lợi nhuận trước thuế theo khu vực địa lý (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Khu vực thị trường	Năm 2024	Năm 2025	3 tháng đầu năm 2026
1	Miền Bắc	399	860	104
2	Miền Trung	62	148	4
3	Miền Nam	651	1.315	414
Tổng cộng		1.112	2.323	522

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024, 2025 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý I năm 2026 của KienlongBank

4.2 Vị thế của Tổ Chức Phát Hành trong ngành

Xét về mặt quy mô:

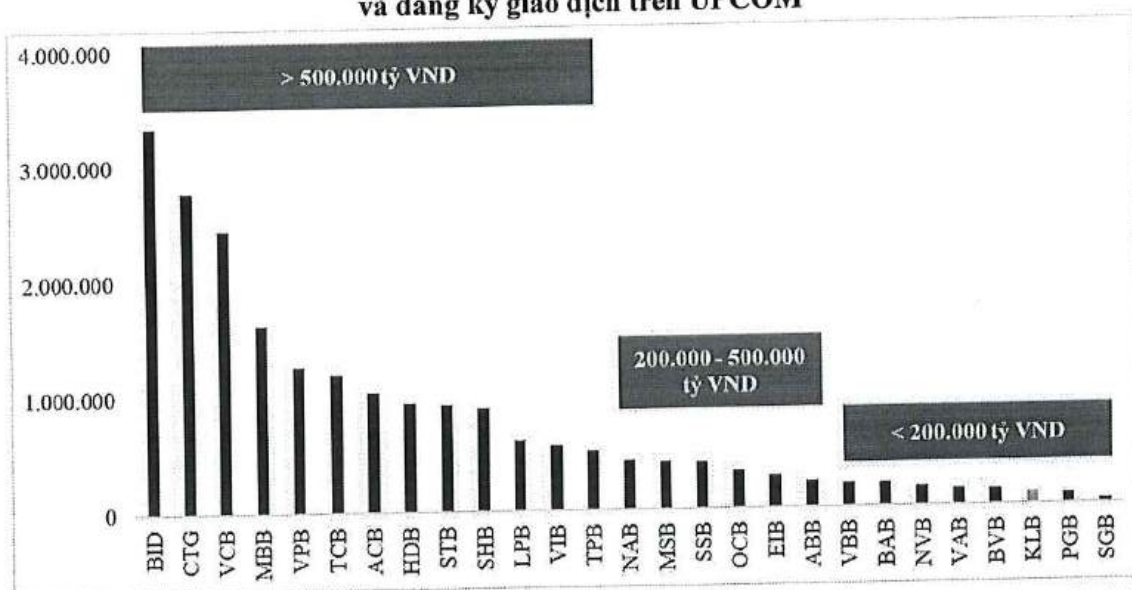
Tính đến 31/12/2025, tổng tài sản (TTS) hợp nhất của KienlongBank đạt 103.303 tỷ VND, đứng thứ 6 trong số 8 ngân hàng có quy mô tổng tài sản dưới 200.000 tỷ VND (“Nhóm ngân hàng quy mô nhỏ”). Vốn chủ sở hữu (VCSH) đạt 8.417 tỷ VND, đứng thứ 5 trong Nhóm ngân hàng quy mô nhỏ.

Xét về hiệu quả hoạt động:

Lợi nhuận trước thuế (LNTT) hợp nhất của KienlongBank năm 2025 đạt 2.323 tỷ VND, đứng thứ 1 trong Nhóm ngân hàng quy mô nhỏ. Bên cạnh đó, tỷ lệ nợ xấu (NPL) tại 31/12/2025 đạt xấp xỉ 1,86%, đứng thứ 3 trong Nhóm ngân hàng quy mô nhỏ có tỷ lệ NPL thấp nhất. Điều này chứng tỏ tính hiệu quả trong hoạt động kinh doanh, quản trị rủi ro và chất lượng tài sản của Ngân hàng.

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

Biểu đồ 1: TTS của 27 NHTM niêm yết trên HOSE, HNX và đăng ký giao dịch trên UPCOM



Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán của các ngân hàng

Ghi chú: Tên của các ngân hàng so sánh được viết tắt theo mã chứng khoán niêm yết của các ngân hàng đó

Bảng 26: Vị thế của KienlongBank trong nhóm Ngân hàng quy mô nhỏ

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Ngân hàng	TTS 2025	VCSH 2025	LNTT 2025	NPL 2025
1	VBB	196.771	12.432	1.532	2,92%
2	BAB	195.820	13.309	1.474	1,15%
3	NVB	163.615	13.593	2	8,63%
4	VAB	140.486	10.155	1.646	1,31%
5	BVB	133.048	7.460	522	3,01%
6	KLB	103.303	8.417	2.323	1,86%
7	PGB	88.840	6.545	727	2,36%
8	SGB	35.377	4.194	151	2,96%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán của các ngân hàng

5. Cập nhật Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ Chức Phát Hành tại Bản Cáo Bạch

5.1 Thông tin về các trái phiếu đã phát hành nhưng chưa đến hạn thanh toán hoặc chuyển đổi

Tính đến thời điểm ban hành Bản Cáo Bạch này, số dư trái phiếu KienlongBank đang lưu hành mà chưa đến hạn thanh toán là 3.723 tỷ VND, cụ thể như sau:

- Trái phiếu phát hành ra công chúng: 3.723 tỷ VND
- Trái phiếu phát hành riêng lẻ: 0 VND

Bảng 27: Thông tin về các trái phiếu đã phát hành (theo mệnh giá)

Đơn vị: tỷ đồng

Loại trái phiếu	Kỳ hạn	Giá trị tại 31/12/2024	Giá trị tại 31/12/2025	Giá trị tại thời điểm ban hành Bản Cáo Bạch này
Trái phiếu tăng vốn cấp 2	Từ 1 năm tới dưới 5 năm	-	-	-
	Từ 5 năm trở lên	800	3.500	3.723
Tổng cộng		800	3.500	3.723

Nguồn: KienlongBank

5.2 Thông tin về các hợp đồng thuê đất, sử dụng đất

Bảng 28: Thông tin về các hợp đồng thuê đất, sử dụng đất tại thời điểm 31/03/2026

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Nội dung	Số tiền
1	Chi phí thuê mặt bằng làm trụ sở làm việc của KienlongBank (từ 01/01/2026 đến 31/03/2026)	28
2	Bất động sản là tài sản KienlongBank đang sở hữu đến 31/03/2026	1.374
-	a) Nhà cửa, vật kiến trúc (nguyên giá)	729
-	b) Quyền sử dụng đất (nguyên giá)	645

Nguồn: KienlongBank

5.3 Các cam kết chưa thực hiện khác

Bảng 29: Thông tin về các cam kết chưa thực hiện tại thời điểm 31/03/2026 (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Giá trị
1	Bảo lãnh vay vốn	6
2	Cam kết giao dịch hối đoái	38.947
-	Cam kết mua ngoại tệ	892
-	Cam kết bán ngoại tệ	2.914
-	Cam kết giao dịch hoán đổi	35.141
3	Cam kết trong nghiệp vụ L/C (*)	4.001
4	Bảo lãnh khác (*)	2.813

(*) Dựa trên giá trị theo hợp đồng (không trừ tiền ký quỹ)

Nguồn: BCTC hợp nhất Quý I năm 2026 của KienlongBank

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

6. Cập nhật Kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và dự kiến kế hoạch tại Bản Cáo Bạch

6.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành

a) Các chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh cơ bản

Bảng 30: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh cơ bản (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng/giảm	3 tháng đầu năm 2026
Tổng giá trị tài sản	92.492	103.555	11,96%	109.220
Vốn chủ sở hữu	6.576	8.383	27,48%	8.761
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	7.111	8.397	18,08%	2.233
Thu nhập lãi thuần	3.173	3.751	18,22%	915
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	457	852	86,43%	89
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	42	88	109,52%	28
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	0	63	-	26
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	26	1	-96,15%	1
Lãi thuần từ hoạt động khác	217	409	88,48%	16
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	4	5	25,00%	0
Chi phí hoạt động	1.986	2.030	2,22%	412
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí DPRR tín dụng	1.933	3.141	62,49%	663
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	823	824	0,12%	143
Lợi nhuận trước thuế	1.110	2.317	108,74%	519
Lợi nhuận sau thuế	887	1.853	108,91%	415
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROAE)	14,42%	24,77%	-	4,84%
Tỷ lệ trả cổ tức	60,00%	-	-	-

Nguồn: BCTC riêng năm 2024, 2025 đã được kiểm toán và BCTC riêng Quý I năm 2026 của KienlongBank; KienlongBank

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

Bảng 31: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh cơ bản (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng/giảm	3 tháng đầu năm 2026
Tổng giá trị tài sản	92.176	103.303	12,07%	108.968
Vốn chủ sở hữu	6.605	8.417	27,43%	8.796
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	7.111	8.397	18,08%	2.233
Thu nhập lãi thuần	3.191	3.768	18,08%	920
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	480	878	82,92%	92
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	42	88	109,52%	28
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	0	63	-	26
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	26	1	-96,15%	1
Lãi thuần từ hoạt động khác	217	409	88,48%	16
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	0	0	-	0
Chi phí hoạt động	2.022	2.061	1,93%	418
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí DPRR tín dụng	1.935	3.146	62,58%	665
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	823	824	0,12%	143
Lợi nhuận trước thuế	1.112	2.323	108,90%	522
Lợi nhuận sau thuế	887	1.856	109,24%	417
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROAE)	14,36%	24,71%	-	4,84%
Tỷ lệ trả cổ tức	60,00%	-	-	-

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024, 2025 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý I năm 2026 của KienlongBank; KienlongBank

Kết thúc năm 2025, KienlongBank đã hoàn thành các mục tiêu kinh doanh với một số chỉ tiêu tài chính hợp nhất như sau:

- ✓ Tổng tài sản của Ngân hàng đạt 103.303 tỷ VND, tăng 12,07% so với cuối năm 2024;
- ✓ Quy mô vốn chủ sở hữu đạt 8.417 tỷ VND, tăng 27,43% so với cuối năm 2024. Năm 2025, KienlongBank đã thực hiện tăng vốn điều lệ lên 5.822 tỷ VND, tăng 59,38% so với cuối năm 2024;
- ✓ Lợi nhuận sau thuế đạt 1.856 tỷ VND, ghi nhận mức tăng 109,24% so với năm 2024. Đạt được kết quả trên chủ yếu là do KienlongBank đã sử dụng hiệu quả nguồn vốn huy động ngay

từ đầu năm, chủ động mở rộng các dịch vụ phi tín dụng, tập trung phát triển hệ sinh thái số toàn diện, từ các kênh giao dịch điện tử đến các sản phẩm, dịch vụ số hiện đại, đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ tiên tiến; không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ và trải nghiệm khách hàng. Kết hợp với việc kiểm soát chi phí, tăng cường quản trị rủi ro, tăng năng suất lao động. Với kết quả trên, KienlongBank hoàn thành 168,27% kế hoạch lợi nhuận năm 2025 đã được ĐHCĐ của Ngân hàng thông qua.

Kết thúc 3 tháng đầu năm 2026, lợi nhuận sau thuế hợp nhất của Ngân hàng đạt hơn 417 tỷ VND, tăng 46,41% so với cùng kỳ năm 2025. Đạt được kết quả trên chủ yếu là do KienlongBank thực hiện mục tiêu tăng trưởng lợi nhuận theo hướng hiệu quả, bền vững và hợp lý trên cơ sở tối ưu hóa bộ máy vận hành, tăng năng suất lao động và cắt giảm các khoản chi phí quản lý không hợp lý; đồng thời cải thiện chất lượng tài sản và nâng cao khả năng quản lý rủi ro.

b) Các chỉ tiêu khác

- Cơ cấu lãi thuần:

Bảng 32: Cơ cấu lãi thuần (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		% tăng/ giảm	3 tháng đầu năm 2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Thu nhập lãi thuần	3.173	80,96%	3.751	72,57%	18,22%	915	85,12%
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	457	11,66%	852	16,48%	86,43%	89	8,28%
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	42	1,07%	88	1,70%	109,52%	28	2,60%
Lãi thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán kinh doanh	0	0,00%	63	1,22%	-	26	2,42%
Lãi thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư, mua bán đầu tư dài hạn khác	26	0,66%	1	0,02%	-96,15%	1	0,09%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	4	0,10%	5	0,10%	25,00%	0	0,00%
Lãi thuần từ hoạt động khác	217	5,54%	409	7,91%	88,48%	16	1,49%
Tổng thu nhập thuần từ các hoạt động kinh doanh	3.919	100,00%	5.169	100,00%	31,90%	1.075	100,00%

Nguồn: BCTC riêng năm 2024, 2025 đã được kiểm toán và BCTC riêng Quý I năm 2026 của KienlongBank

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

Bảng 33: Cơ cấu lãi thuần (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		% tăng/ giảm	3 tháng đầu năm 2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Thu nhập lãi thuần	3.191	80,66%	3.768	72,36%	18,08%	920	84,95%
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	480	12,13%	878	16,86%	82,92%	92	8,49%
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	42	1,06%	88	1,69%	109,52%	28	2,59%
Lãi thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán kinh doanh	0	0,00%	63	1,22%	-	26	2,40%
Lãi thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán đầu tư, đầu tư dài hạn khác	26	0,66%	1	0,02%	-96,15%	1	0,09%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	0	0,00%	0	0,00%	-	0	0,00%
Lãi thuần từ hoạt động khác	217	5,49%	409	7,85%	88,48%	16	1,48%
Tổng thu nhập thuần từ các hoạt động kinh doanh	3.956	100,00%	5.207	100,00%	31,62%	1.083	100,00%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024, 2025 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý I năm 2026 của KienlongBank

Cơ cấu lãi thuần hợp nhất của KienlongBank bao gồm 2 cấu phần chính: thu nhập lãi thuần và lãi thuần từ hoạt động dịch vụ:

- ✓ Thu nhập lãi thuần (thu nhập lãi tiền gửi, thu nhập lãi cho vay, thu lãi từ đầu tư chứng khoán, thu nghiệp vụ bảo lãnh và thu khác từ hoạt động tín dụng) chiếm tỷ trọng cao nhất, đạt 72,36% năm 2025, so với mức 80,66% năm 2024. Về giá trị, thu nhập lãi thuần đạt 3.768 tỷ VND trong năm 2025, tăng 18,08% so với cùng kỳ năm 2024 nhờ sự gia tăng mạnh của thu nhập lãi tiền gửi và cho vay.
- ✓ Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ (thu nhập ròng từ các hoạt động dịch vụ như: dịch vụ thanh toán, dịch vụ thẩm định tài sản, dịch vụ kinh doanh và dịch vụ bảo hiểm,...) chiếm tỷ trọng cao thứ hai, đạt 16,86% năm 2025, so với mức 12,13% năm 2024. Về giá trị, lãi thuần từ hoạt động dịch vụ đạt 878 tỷ VND trong năm 2025, tăng 82,92% so với cùng kỳ năm 2024 chủ yếu đến từ sự tăng trưởng mạnh của mảng dịch vụ thanh toán.

Ngoài ra, lãi thuần từ hoạt động khác năm 2025 đạt 409 tỷ đồng (chiếm tỷ trọng 7,85% trong cơ cấu lãi thuần năm 2025), tăng 88,48% so với năm 2024, được đóng góp chính bởi sự gia tăng của hoạt động thu nợ khó đòi đã xử lý bằng dự phòng rủi ro. Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối, hoạt động mua bán chứng khoán kinh doanh và hoạt động mua bán chứng khoán đầu tư chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu lãi thuần của Ngân hàng.

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Trong 3 tháng đầu năm 2026, theo số liệu hợp nhất, thu nhập lãi thuần và lãi thuần từ hoạt động dịch vụ tiếp tục chiếm tỷ trọng chính trong cơ cấu lãi thuần của Ngân hàng, đạt lần lượt 84,95% và 8,49%.

- Cơ cấu chi phí trong thu nhập tương ứng

Bảng 34: Cơ cấu chi phí trong thu nhập tương ứng (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng/giảm	3 tháng đầu năm 2026
1	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	3.938	4.646	17,98%	1.318
	Tỷ trọng trong Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	55,38%	55,33%		59,02%
2	Chi phí hoạt động dịch vụ	100	81	-19,00%	18
	Tỷ trọng trong Thu nhập hoạt động dịch vụ	17,95%	8,68%		16,82%
3	Chi phí hoạt động (chi phí tiền lương, khấu hao và khấu trừ, chi phí hoạt động khác)	1.986	2.030	2,22%	412
	Tỷ trọng trong thu nhập thuần từ các hoạt động kinh doanh	50,68%	39,27%		38,33%
4	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	823	824	0,12%	143
	Tỷ trọng trong Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	42,58%	26,23%		21,57%

Nguồn: BCTC riêng năm 2024, 2025 đã được kiểm toán và BCTC riêng Quý I năm 2026 của KienlongBank

Bảng 35: Cơ cấu chi phí trong thu nhập tương ứng (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng/giảm	3 tháng đầu năm 2026
1	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	3.920	4.630	18,11%	1.314
	Tỷ trọng trong Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	55,13%	55,14%		58,84%
2	Chi phí hoạt động dịch vụ	94	74	-21,28%	19
	Tỷ trọng trong Thu nhập hoạt động dịch vụ	16,35%	7,77%		17,12%
3	Chi phí hoạt động (chi phí tiền lương, khấu hao và khấu trừ, chi phí hoạt động khác)	2.022	2.061	1,93%	418

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng/giảm	3 tháng đầu năm 2026
	Tỷ trọng trong thu nhập thuần từ các hoạt động kinh doanh	51,11%	39,58%		38,60%
4	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	823	824	0,12%	143
	Tỷ trọng trong Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	42,53%	26,19%		21,50%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024, 2025 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý I năm 2026 của KienlongBank

Trong giai đoạn 2024 – 3 tháng đầu năm 2026, tỷ lệ chi phí hoạt động trên thu nhập thuần từ các hoạt động kinh doanh của Ngân hàng giảm mạnh. Cụ thể, tỷ lệ chi phí hoạt động trên thu nhập thuần từ các hoạt động kinh doanh trong 3 tháng đầu năm 2026 ở mức 38,60%, so với mức 51,11% của năm 2024. Nguyên nhân là do Ngân hàng tập trung phát triển hệ sinh thái số toàn diện, đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ tiên tiến kết hợp với việc kiểm soát chi phí, tăng năng suất lao động.

- Cơ cấu chi phí hoạt động

Bảng 36: Cơ cấu chi phí hoạt động (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		% tăng/giảm	3 tháng đầu năm 2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Chi phí nhân viên	1.294	65,16%	1.245	61,33%	-3,79%	211	51,21%
Chi về tài sản	258	12,99%	286	14,09%	10,85%	72	17,48%
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	26	1,31%	29	1,43%	11,54%	7	1,70%
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	255	12,84%	332	16,35%	30,20%	95	23,06%
Chi phí bảo hiểm tiền gửi của khách hàng	84	4,23%	103	5,07%	22,62%	27	6,55%
Chi phí dự phòng rủi ro các tài sản Có nội bảng	69	3,47%	35	1,72%	-49,28%	0	0,00%
Tổng chi phí hoạt động	1.986	100,00%	2.030	100,00%	2,22%	412	100,00%

Nguồn: BCTC riêng năm 2024, 2025 đã được kiểm toán và BCTC riêng Quý I năm 2026 của KienlongBank

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

Bảng 37: Cơ cấu chi phí hoạt động (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		% tăng/ giảm	3 tháng đầu năm 2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Chi phí nhân viên	1.324	65,48%	1.289	62,54%	-2,64%	230	55,02%
Chi về tài sản	260	12,86%	288	13,97%	10,77%	73	17,46%
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	26	1,29%	29	1,41%	11,54%	7	1,68%
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	258	12,76%	316	15,33%	22,48%	81	19,38%
Chi phí bảo hiểm tiền gửi của khách hàng	84	4,15%	103	5,00%	22,62%	27	6,46%
Chi phí dự phòng rủi ro các tài sản Có nội bảng	70	3,46%	36	1,73%	-48,57%	0	0,00%
Tổng chi phí hoạt động	2.022	100,00%	2.061	100,00%	1,93%	418	100,00%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024, 2025 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý I năm 2026 của KienlongBank

Theo số liệu hợp nhất, tổng chi phí hoạt động của KienlongBank năm 2025 tăng 1,93% so với cùng kỳ năm trước, đạt mức 2.061 tỷ VND. Trong đó, chi phí cho nhân viên là khoản mục có tỷ trọng lớn nhất, chiếm 62,54% trong tổng chi phí hoạt động. Chi phí hoạt động quản lý công vụ và Chi về tài sản lần lượt đứng thứ hai và thứ ba với tỷ trọng lần lượt là 15,33% và 13,97%.

Trong 3 tháng đầu năm 2026, theo số liệu hợp nhất, tổng chi phí hoạt động của KienlongBank đạt 418 tỷ VND, giảm 27,80% so với cùng kỳ năm 2025. Trong đó, chi phí cho nhân viên vẫn là khoản mục có tỷ trọng lớn nhất, chiếm 55,02%. Chi cho hoạt động quản lý công vụ và chi về tài sản lần lượt xếp ở vị trí thứ hai và thứ ba, với tỷ trọng lần lượt là 19,38% và 17,46%.

c) Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập: Không có.

6.2 Các chỉ tiêu cơ bản

a) Tình hình công nợ

Bảng 38: Các khoản phải thu và phải trả khác (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Các khoản mục	31/12/2024	31/12/2025	31/03/2026
I	Nợ phải thu	6.902	5.452	6.818
1	Các khoản phải thu	5.286	3.291	3.939
2	Các khoản lãi, phí phải thu	1.393	1.806	1.862
3	Tài sản có khác	321	483	1.145

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

STT	Các khoản mục	31/12/2024	31/12/2025	31/03/2026
4	Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	-98	-128	-128
II	Nợ phải trả	2.889	3.526	2.895
1	Các khoản lãi, phí phải trả	1.010	1.393	1.187
2	Các khoản phải trả và công nợ khác	1.879	2.133	1.708

Nguồn: BCTC riêng năm 2024, 2025 đã được kiểm toán và BCTC riêng Quý I năm 2026 của KienlongBank

Bảng 39: Các khoản phải thu và phải trả khác (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Các khoản mục	31/12/2024	31/12/2025	31/03/2026
I	Nợ phải thu	7.085	5.699	7.066
1	Các khoản phải thu	5.291	3.364	4.013
2	Các khoản lãi, phí phải thu	1.393	1.806	1.862
3	Tài sản có khác	500	659	1.321
4	Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	-99	-130	-130
II	Nợ phải trả	2.883	3.525	2.897
1	Các khoản lãi, phí phải trả	1.002	1.389	1.181
2	Các khoản phải trả và công nợ khác	1.881	2.136	1.716

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024, 2025 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý I năm 2026 của KienlongBank

b) Trái phiếu chưa đáo hạn

Bảng 40: Danh sách trái phiếu chưa đáo hạn

TT	Mã trái phiếu	Ngày phát hành	Giá trị mệnh giá đang lưu hành (đồng)	Lãi suất	Kỳ hạn (năm)	Điều khoản điều kiện quan trọng
I	Năm 2024					
Trái phiếu ra công chúng						
1	KLB7Y202401	21/12/2024	800.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG

TT	Mã trái phiếu	Ngày phát hành	Giá trị mệnh giá đang lưu hành (đồng)	Lãi suất	Kỳ hạn (năm)	Điều khoản điều kiện quan trọng
						kiện để tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Phát Hành
II Năm 2025						
Trái phiếu ra công chứng						
1	KLB7Y202402	29/04/2025	800.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Phát Hành
2	KLB7Y202403	31/07/2025	900.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Phát Hành
3	KLB7Y202501	10/12/2025	1.000.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Phát Hành
III Năm 2026						
1	KLB7Y202502	28/04/2026	222.532.400.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Phát Hành

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

TT	Mã trái phiếu	Ngày phát hành	Giá trị mệnh giá đang lưu hành (đồng)	Lãi suất	Kỳ hạn (năm)	Điều khoản điều kiện quan trọng
	Tổng		3.722.532.400.000			

Nguồn: KienlongBank

c) Các khoản phải nộp theo luật định

Bảng 41: Tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ đồng

Loại thuế	Số dư tại 31/12/2024	Số dư tại 31/12/2025	Phát sinh trong kỳ		Số dư tại 31/03/2026
			Số phải nộp	Số đã nộp	
Thuế GTGT	7	33	7	37	2
Thuế TNDN	98	217	104	229	92
Thuế khác	11	15	24	26	13
Tổng	116	265	135	292	108

Nguồn: BCTC riêng năm 2024, 2025 đã được kiểm toán và BCTC riêng Quý I năm 2026 của KienlongBank

Bảng 42: Tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

Loại thuế	Số dư tại 31/12/2024	Số dư tại 31/12/2025	Phát sinh trong kỳ		Số dư tại 31/03/2026
			Số phải nộp	Số đã nộp	
Thuế GTGT	7	34	8	39	3
Thuế TNDN	99	219	105	231	93
Thuế khác	11	15	25	27	13
Tổng	117	268	138	297	109

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024, 2025 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý I năm 2026 của KienlongBank

d) Trích lập các quỹ

Bảng 43: Tình hình trích lập các quỹ

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Trích lập các quỹ	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026
1	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	29	88	186
2	Quỹ dự phòng tài chính	57	88	167
3	Quỹ khen thưởng	40	45	0
	Tổng	125	126	353

Nguồn: Nghị quyết ĐHCĐ năm 2024, 2025 và 2026 của KienlongBank

6.3 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 44: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (Công ty mẹ)

Chỉ tiêu	Đơn vị	31/12/2024	31/12/2025	31/03/2026
1. Chỉ tiêu về vốn				
Vốn điều lệ	tỷ đồng	3.653	5.822	5.822
Vốn tự có	tỷ đồng	8.917	12.309	12.102
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR)	%	12,00	14,26	13,55
2. Chất lượng tài sản				
Tỷ lệ nợ quá hạn	%	2,69	2,56	2,46
Tỷ lệ nợ xấu	%	1,60	1,58	1,53
(Số dư các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng + các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác)/Tổng tài sản	%	66,42	69,13	67,05
Tài sản có sinh lời/Tổng tài sản có nội bảng	%	90,95	93,25	92,66
3. Khả năng thanh khoản				
Tỷ lệ tài sản có tính thanh khoản cao bình quân/Tổng tài sản bình quân	%	15,72	21,04	23,42
Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn	%	23,56	14,22	23,16
Tỷ lệ dư nợ cho vay/Tổng tiền gửi	%	74,11	78,13	75,08
4. Kết quả hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	18,04	30,98	6,06
Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản bình quân	%	1,23	2,36	0,49
Thu nhập lãi cận biên (NIM)	%	3,83	4,10	0,90
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	0,99	1,89	0,39
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	14,41	24,77	4,84
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	VND/cp	2.453	3.203	718
Thu nhập dịch vụ/Tổng thu nhập	%	11,65	16,48	8,28
Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ/Lợi nhuận trước thuế	%	41,15	36,77	17,12

Nguồn: KienlongBank

Bảng 45: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (Hợp nhất)

Chỉ tiêu	Đơn vị	31/12/2024	31/12/2025	31/03/2026
1. Chỉ tiêu về vốn				
Vốn điều lệ	tỷ đồng	3.653	5.822	5.822
Vốn tự có	tỷ đồng	9.068	12.342	12.546
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR)	%	12,27	14,38	14,11
2. Chất lượng tài sản				
Tỷ lệ nợ quá hạn	%	2,69	2,56	2,46
Tỷ lệ nợ xấu	%	1,60	1,58	1,53
(Số dư các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng + các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác)/Tổng tài sản	%	66,65	69,13	67,21
Tài sản có sinh lời/Tổng tài sản có nội bảng	%	91,26	93,48	92,87
3. Khả năng thanh khoản				
Tỷ lệ tài sản có tính thanh khoản cao bình quân/Tổng tài sản bình quân	%	15,78	21,10	23,48
Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn	%	22,90	13,34	22,34
Tỷ lệ dư nợ cho vay/Tổng tiền gửi	%	74,32	78,29	75,23
4. Kết quả hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	17,99	30,93	6,06
Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản bình quân	%	1,24	2,38	0,49
Thu nhập lãi cận biên (NIM)	%	3,85	4,12	0,91
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	0,99	1,90	0,39
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	14,36	24,71	4,84
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	VND/cp	2.455	3.209	721
Thu nhập dịch vụ/Tổng thu nhập	%	12,14	16,86	8,53
Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ/Lợi nhuận trước thuế	%	43,21	37,79	17,70

Nguồn: KienlongBank

- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập: Không có.

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

7. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với BCTC của Tổ Chức Phát Hành

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C là Tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán BCTC riêng và hợp nhất năm 2025 của KienlongBank. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán tại BCTC kiểm toán riêng và hợp nhất năm 2025 là ý kiến chấp thuận toàn phần. Cụ thể như sau:

- **BCTC năm 2025 đã được kiểm toán**

- **BCTC riêng năm 2025 đã được kiểm toán**

Ý kiến của Kiểm toán viên theo báo cáo kiểm toán số 1.0657/26/TC-AC ngày 27/03/2026 của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C: “Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của Ngân hàng TMCP Kiên Long tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề khác: Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty này đã đưa Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 vào ngày 26 tháng 3 năm 2025 với ý kiến chấp nhận toàn phần.”

- **BCTC hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán**

Ý kiến của Kiểm toán viên theo báo cáo kiểm toán số 1.0658/26/TC-AC ngày 27/03/2026 của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C: “Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác: Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty này đã đưa Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 vào ngày 26 tháng 3 năm 2025 với ý kiến chấp nhận toàn phần.”

8. Cập nhật Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận tại Bản Cáo Bạch

Bảng 46: Kế hoạch lợi nhuận hợp nhất năm 2026

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2026	
		Kế hoạch năm 2026 dự kiến	% tăng/giảm so với năm 2025
Thu nhập lãi thuần (tỷ Đồng)	3.768	3.991	5,92%

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2026	
		Kế hoạch năm 2026 dự kiến	% tăng/giảm so với năm 2025
Lợi nhuận sau thuế (tỷ Đồng)	1.856	2.080	12,07%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Thu nhập lãi thuần	49,26%	52,12%	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	24,71%	22,02%	-
Tỷ lệ chia trả cổ tức	-	-	-

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2026 thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 và kế hoạch kinh doanh năm 2026 số 126/BC-NHKL ngày 01/04/2026 của Ban Điều hành; Nghị quyết HĐQT số 07/NQ-HĐQT ngày 19/05/2026 của HĐQT KienlongBank (Mục IV – Phụ lục 01); KienlongBank

Kết thúc 3 tháng đầu năm 2026, KienlongBank đã ghi nhận 920 tỷ VND thu nhập lãi thuần và 417 tỷ VND lợi nhuận sau thuế, lần lượt hoàn thành 23,05% và 20,05% kế hoạch năm 2026.

B. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Cập nhật Thông tin chung về Tổ Chức Phát Hành tại Bản Cáo Bạch

Giấy phép thành lập và hoạt động số 17/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”) cấp ngày 03/04/2026, được bổ sung bởi Quyết định số 50/QĐ-QLGS5 do NHNN cấp ngày 25/06/2026.

2. Cập nhật Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển tại Bản Cáo Bạch

Bổ sung mốc sự kiện quan trọng trong năm 2026:

KienlongBank được vinh danh Top 50 Doanh nghiệp tăng trưởng xuất sắc và Top 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam trong bảng xếp hạng FAST500.

3. Cập nhật Thông tin thành viên HĐQT, Ban Kiểm Soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế Toán Trưởng tại Bản Cáo Bạch

3.1 Cập nhật thông tin chi tiết của từng thành viên HĐQT của KienlongBank

➤ Thù lao của HĐQT

Chỉ tiêu (đơn vị: tỷ đồng)	Năm 2024	Năm 2025	3 tháng đầu năm 2026
Tổng thù lao đã chi trả	19	24	5

3.1.1 Ông Trần Ngọc Minh – Chủ tịch HĐQT

- Số lượng chứng khoán tại KienlongBank tại thời điểm 29/04/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại KienlongBank tại thời điểm 29/04/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

- Lợi ích liên quan đối với KienlongBank:

- o Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên HĐQT và những người có liên quan của Thành viên HĐQT tính đến thời điểm 31/03/2026:

Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với KienlongBank	Nội dung chính của Hợp đồng, giao dịch	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
Trần Ngọc Minh	Chủ tịch HĐQT	Tiền gửi tại KienlongBank	Hội đồng quản trị của KienlongBank (theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐQT ngày 28/10/2024)
Các cá nhân khác	Người có liên quan của Chủ tịch HĐQT Trần Ngọc Minh	Tiền gửi tại KienlongBank và/hoặc Mua trái phiếu KienlongBank phát hành	

3.1.2 Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh – Phó Chủ tịch HĐQT

- Số lượng chứng khoán tại KienlongBank tại thời điểm 29/04/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại KienlongBank tại thời điểm 29/04/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Lợi ích liên quan đối với KienlongBank:
 - o Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên HĐQT và những người có liên quan của Thành viên HĐQT tính đến thời điểm 31/03/2026:

Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với KienlongBank	Nội dung chính của Hợp đồng, giao dịch	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Phó Chủ tịch HĐQT	Tiền gửi tại KienlongBank	Hội đồng quản trị của KienlongBank (theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐQT ngày 28/10/2024)
		Hợp đồng cho thuê xe	
Công ty Cổ phần Phát triển Sunshine Homes	Tổ chức có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Tiền gửi tại KienlongBank	
Công ty Cổ phần Chứng khoán SmartMind			

3.1.3 Ông Bùi Thanh Hải – Thành viên HĐQT

- Số lượng chứng khoán tại KienlongBank tại thời điểm 29/04/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.

- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại KienlongBank tại thời điểm 29/04/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Lợi ích liên quan đối với KienlongBank:
 - o Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên HĐQT và những người có liên quan của Thành viên HĐQT tính đến thời điểm 31/03/2026:

Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với KienlongBank	Nội dung chính của Hợp đồng, giao dịch	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
Bùi Thanh Hải	Thành viên HĐQT	Tiền gửi tại KienlongBank	Hội đồng quản trị của KienlongBank (theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐQT ngày 28/10/2024)
Các cá nhân khác	Người có liên quan của Thành viên HĐQT Bùi Thanh Hải		

3.1.4 Ông Lê Khắc Gia Bảo – Thành viên HĐQT

- Số lượng chứng khoán tại KienlongBank tại thời điểm 29/04/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại KienlongBank tại thời điểm 29/04/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Lợi ích liên quan đối với KienlongBank:
 - o Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên HĐQT và những người có liên quan của Thành viên HĐQT tính đến thời điểm 31/03/2026:

Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với KienlongBank	Nội dung chính của Hợp đồng, giao dịch	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
Lê Khắc Gia Bảo	Thành viên HĐQT	Tiền gửi tại KienlongBank	Hội đồng quản trị của KienlongBank (theo Nghị quyết số 45/NQ- HĐQT ngày 28/10/2024)
Các cá nhân khác	Người có liên quan của Thành viên HĐQT Lê Khắc Gia Bảo		

3.1.5 Ông Nguyễn Cao Cường – Thành viên HĐQT

- Số lượng chứng khoán tại KienlongBank tại thời điểm 29/04/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại KienlongBank tại thời điểm

29/04/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.

- Lợi ích liên quan đối với KienlongBank:

- o Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên HĐQT và những người có liên quan của Thành viên HĐQT tính đến thời điểm 31/03/2026:

Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với KienlongBank	Nội dung chính của Hợp đồng, giao dịch	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
Nguyễn Cao Cường	Thành viên HĐQT	Tiền gửi tại KienlongBank	Hội đồng quản trị của KienlongBank (theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐQT ngày 28/10/2024)

3.1.6 Bà Nguyễn Thị Thanh Hương – Thành viên HĐQT

- Số lượng chứng khoán tại KienlongBank tại thời điểm 29/04/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại KienlongBank tại thời điểm 29/04/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Lợi ích liên quan đối với KienlongBank:

- o Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên HĐQT và những người có liên quan của Thành viên HĐQT tính đến thời điểm 31/03/2026:

Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với KienlongBank	Nội dung chính của Hợp đồng, giao dịch	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên HĐQT	Tiền gửi tại KienlongBank	Hội đồng quản trị của KienlongBank (theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐQT ngày 28/10/2024)
		Hợp đồng cho thuê xe	

3.1.7 Bà Nguyễn Thủy Nguyên – Thành viên độc lập HĐQT

- Số lượng chứng khoán tại KienlongBank tại thời điểm 29/04/2026: 2.980.704 cổ phần, tương ứng 0,512% vốn cổ phần.
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại KienlongBank tại thời điểm 29/04/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Lợi ích liên quan đối với KienlongBank:
 - o Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện

giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên HĐQT và những người có liên quan của Thành viên HĐQT tính đến thời điểm 31/03/2026:

Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với KienlongBank	Nội dung chính của Hợp đồng, giao dịch	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
Nguyễn Thủy Nguyên	Thành viên HĐQT	Tiền gửi tại KienlongBank	Hội đồng quản trị của KienlongBank (theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐQT ngày 28/10/2024)
		Hợp đồng cho thuê xe	
Công ty Cổ phần Chứng khoán SmartMind	Tổ chức có liên quan của Thành viên HĐQT Nguyễn Thủy Nguyên	Tiền gửi tại KienlongBank	
Công ty Cổ phần Phát triển S.I			

3.1.8 Ông Nguyễn Chí Hiếu – Thành viên độc lập HĐQT

- Số lượng chứng khoán tại KienlongBank tại thời điểm 29/04/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại KienlongBank tại thời điểm 29/04/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Lợi ích liên quan đối với KienlongBank:
 - o Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên HĐQT và những người có liên quan của Thành viên HĐQT tính đến thời điểm 31/03/2026:

Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với KienlongBank	Nội dung chính của Hợp đồng, giao dịch	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
Nguyễn Chí Hiếu	Thành viên HĐQT	Tiền gửi tại KienlongBank	Hội đồng quản trị của KienlongBank (theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐQT ngày 28/10/2024)
		Hợp đồng cho thuê xe	

3.1.9 Ông Kim Minh Tuấn – Thành viên độc lập HĐQT

- Số lượng chứng khoán tại KienlongBank tại thời điểm 29/04/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại KienlongBank tại thời điểm 29/04/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

- Lợi ích liên quan đối với KienlongBank:

- Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên HĐQT và những người có liên quan của Thành viên HĐQT tính đến thời điểm 31/03/2026:

Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với KienlongBank	Nội dung chính của Hợp đồng, giao dịch	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
Kim Minh Tuấn	Thành viên độc lập HĐQT	Tiền gửi tại KienlongBank	Hội đồng quản trị của KienlongBank (theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐQT ngày 28/10/2024)

3.2 Cập nhật thông tin chi tiết của từng thành viên Ban Kiểm Sát

➤ **Thù lao của BKS**

Chỉ tiêu (đơn vị: tỷ đồng)	Năm 2024	Năm 2025	3 tháng đầu năm 2026
Tổng thù lao đã chi trả	6	7	1

3.2.1 Bà Đỗ Thị Tuyết Trinh – Trưởng BKS

- Số lượng chứng khoán tại KienlongBank tại thời điểm 29/04/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại KienlongBank tại thời điểm 29/04/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Lợi ích liên quan đối với KienlongBank:
 - Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên BKS và những người có liên quan của Thành viên BKS tính đến thời điểm 31/03/2026:

Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với KienlongBank	Nội dung chính của Hợp đồng, giao dịch	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
Đỗ Thị Tuyết Trinh	Trưởng BKS	Tiền gửi tại KienlongBank, Trái phiếu KienlongBank Hợp đồng cho thuê xe	Hội đồng quản trị của KienlongBank (theo Nghị quyết số 05/NQ-HĐQT ngày 01/02/2024)
Cá nhân khác	Người có liên quan của Trưởng BKS Đỗ Thị Tuyết Trinh	Tiền gửi tại KienlongBank	Hội đồng quản trị của KienlongBank (theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐQT ngày 28/10/2024)

3.2.2 Ông Đặng Minh Quân – Thành viên BKS

- Số lượng chứng khoán tại KienlongBank tại thời điểm 29/04/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại KienlongBank tại thời điểm 29/04/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Lợi ích liên quan đối với KienlongBank:
 - o Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên BKS và những người có liên quan của Thành viên BKS tính đến thời điểm 31/03/2026:

Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với KienlongBank	Nội dung chính của Hợp đồng, giao dịch	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
Đặng Minh Quân	Thành viên BKS	Tiền gửi tại KienlongBank	Hội đồng quản trị của KienlongBank (theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐQT ngày 28/10/2024)
		Hợp đồng cho thuê xe	

3.2.3 Bà Hoàng Thị Phụng – Thành viên BKS

- Số lượng chứng khoán tại KienlongBank tại thời điểm 29/04/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại KienlongBank tại thời điểm 29/04/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

- Lợi ích liên quan đối với KienlongBank:

- o Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên BKS và những người có liên quan của Thành viên BKS tính đến thời điểm 31/03/2026:

Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với KienlongBank	Nội dung chính của Hợp đồng, giao dịch	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
Hoàng Thị Phụng	Thành viên BKS	Tiền gửi tại KienlongBank, Trái phiếu KienlongBank	Hội đồng quản trị của KienlongBank (theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐQT ngày 28/10/2024)

3.2.4 Bà Nguyễn Thị Khánh Phương – Thành viên BKS

- Số lượng chứng khoán tại KienlongBank tại thời điểm 29/04/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại KienlongBank tại thời điểm 29/04/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Lợi ích liên quan đối với KienlongBank:

- o Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên BKS và những người có liên quan của Thành viên BKS tính đến thời điểm 31/03/2026:

Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với KienlongBank	Nội dung chính của Hợp đồng, giao dịch	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
Nguyễn Thị Khánh Phương	Thành viên BKS	Mua trái phiếu KienlongBank	Hội đồng quản trị của KienlongBank (theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐQT ngày 28/10/2024)

3.2.5 Ông Đào Ngọc Hải – Thành viên BKS

- Số lượng chứng khoán tại KienlongBank tại thời điểm 29/04/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại KienlongBank tại thời điểm 29/04/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Lợi ích liên quan đối với KienlongBank:

- o Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên BKS và những người

có liên quan của Thành viên BKS tính đến thời điểm 31/03/2026:

Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với KienlongBank	Nội dung chính của Hợp đồng, giao dịch	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
Đào Ngọc Hải	Thành viên BKS	Tiền gửi tại KienlongBank	Hội đồng quản trị của KienlongBank (theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐQT ngày 28/10/2024)

3.3 Cập nhật thông tin chi tiết của từng thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế Toán Trưởng

Bảng 47: Danh sách Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Trần Hồng Minh	Tổng Giám đốc
2	Ông Nguyễn Hoàng An	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Nguyễn Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc
4	Ông Trần Văn Thái Bình	Phó Tổng Giám đốc
5	Bà Nguyễn Thị Hồng Vân	Phó Tổng Giám đốc
6	Bà Vũ Thị Phương	Phó Tổng Giám đốc
7	Ông Phan Đức Kha	Phó Tổng Giám đốc
8	Bà Vũ Ngọc Lan Châu	Phó Tổng Giám đốc
9	Bà Vũ Đặng Xuân Vinh	Kế toán trưởng

Nguồn: KienlongBank

➤ Tiền lương và thưởng của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Chỉ tiêu (đơn vị: tỷ đồng)	Năm 2024	Năm 2025	3 tháng đầu năm 2026
Tiền lương và thưởng đã chi trả	18	11	3

3.3.1 Ông Trần Hồng Minh – Tổng Giám đốc

- Số lượng chứng khoán tại KienlongBank tại thời điểm 29/04/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại KienlongBank tại thời điểm 29/04/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Lợi ích liên quan đối với KienlongBank:
 - o Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên Ban Tổng Giám đốc và những người có liên quan của Thành viên Ban Tổng Giám đốc tính đến thời điểm 31/03/2026:

Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với KienlongBank	Nội dung chính của Hợp đồng, giao dịch	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
Trần Hồng Minh	Tổng Giám đốc	Tiền gửi tại KienlongBank	Hội đồng quản trị của KienlongBank (theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐQT ngày 28/10/2024)
Cá nhân khác	Người có liên quan của Tổng Giám đốc Trần Hồng Minh	Tiền gửi tại KienlongBank	

3.3.2 Ông Nguyễn Hoàng An – Phó Tổng Giám đốc

- Số lượng chứng khoán tại KienlongBank tại thời điểm 29/04/2026: 9.763 cổ phần, tương ứng 0,002% vốn cổ phần.
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại KienlongBank tại thời điểm 29/04/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Lợi ích liên quan đối với KienlongBank:
 - o Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên Ban Tổng Giám đốc và những người có liên quan của Thành viên Ban Tổng Giám đốc tính đến thời điểm 31/03/2026:

Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với KienlongBank	Nội dung chính của Hợp đồng, giao dịch	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
Nguyễn Hoàng An	Phó Tổng Giám đốc	Tiền gửi tại KienlongBank	Hội đồng quản trị của KienlongBank (theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐQT ngày 28/10/2024)
Các cá nhân khác	Người có liên quan của Phó Tổng Giám đốc Nguyễn Hoàng An	Tiền gửi tại KienlongBank và/hoặc Mua trái phiếu KienlongBank phát hành	

3.3.3 Ông Nguyễn Văn Minh - Phó Tổng Giám đốc

- Số lượng chứng khoán tại KienlongBank tại thời điểm 29/04/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại KienlongBank tại thời điểm 29/04/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Lợi ích liên quan đối với KienlongBank:
 - o Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát

Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên Ban Tổng Giám đốc và những người có liên quan của Thành viên Ban Tổng Giám đốc tính đến thời điểm 31/03/2026:

Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với KienlongBank	Nội dung chính của Hợp đồng, giao dịch	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
Nguyễn Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc	Tiền gửi tại KienlongBank	Hội đồng quản trị của KienlongBank (theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐQT ngày 28/10/2024)
		Hợp đồng cho thuê xe	
Cá nhân khác	Người có liên quan của Phó Tổng Giám đốc Nguyễn Văn Minh	Tiền gửi tại KienlongBank	

3.3.4 Ông Trần Văn Thái Bình - Phó Tổng Giám đốc

- Số lượng chứng khoán tại KienlongBank tại thời điểm 29/04/2026: 164 cổ phần, tương ứng 0,000% vốn cổ phần.
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại KienlongBank tại thời điểm 29/04/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Lợi ích liên quan đối với KienlongBank:
 - o Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên Ban Tổng Giám đốc và những người có liên quan của Thành viên Ban Tổng Giám đốc tính đến thời điểm 31/03/2026:

Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với KienlongBank	Nội dung chính của Hợp đồng, giao dịch	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
Trần Văn Thái Bình	Phó Tổng giám đốc	Tiền gửi tại KienlongBank	Hội đồng quản trị của KienlongBank (theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐQT ngày 28/10/2024)
		Hợp đồng cho thuê xe	
Cá nhân khác	Người có liên quan của Phó Tổng giám đốc Trần Văn Thái Bình	Tiền gửi tại KienlongBank	

3.3.5 Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Phó Tổng Giám đốc

- Số lượng chứng khoán tại KienlongBank tại thời điểm 29/04/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại KienlongBank tại thời điểm 29/04/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.

- Lợi ích liên quan đối với KienlongBank:

- o Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên Ban Tổng Giám đốc và những người có liên quan của Thành viên Ban Tổng Giám đốc tính đến thời điểm 31/03/2026:

Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với KienlongBank	Nội dung chính của Hợp đồng, giao dịch	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
Nguyễn Thị Hồng Vân	Phó Tổng Giám đốc	Tiền gửi tại KienlongBank	Hội đồng quản trị của KienlongBank (theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐQT ngày 28/10/2024)
		Hợp đồng cho thuê xe	

3.3.6 Bà Vũ Thị Phương - Phó Tổng Giám đốc

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1979
- Trình độ học vấn: Đại học
- Năng lực chuyên môn: Thạc sĩ Quản lý Kinh tế
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
2002 - 2006	Giám đốc ẩm thực	Sofitel Plaza Hanoi
2006 - 2009	Giám đốc đối ngoại và giám sát tầng khách hàng VIP	InterContinental Hanoi Westlake
2009 - 2012	Giám đốc vận hành ca trực	Sofitel Legend Metropole Hanoi
2012 - 2013	CEO	Petro Thái Bình Hotel
2013 - 2014	Giám đốc sảnh và khu vực tầng khách VIP	Lotte Hotel Hanoi
2014 - 2015	CEO	Kangnam Group
2015 - 2020	Giám đốc chất lượng dịch vụ/Trải nghiệm khách hàng toàn quốc; Chuyên gia cao cấp Phát triển năng lực	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam
2020 - 2021	Tổng Giám đốc Gami Hospitality; Phó Tổng Giám đốc Gamiland; Giám đốc Ban Truyền thông, Marketing	Gami Group

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
	thương hiệu và phát triển mạng lưới của Ngân hàng NCB; Chuyên gia phát triển năng lực Viện đào tạo Gami	
2021	Tổng Giám đốc	Bizman Group
Cuối năm 2021 - ngày 25/04/2026	Giám đốc Phân khúc Khách hàng doanh nghiệp	Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam
Từ ngày 05/05/2026 - Nay	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Kiên Long

- Chức vụ đang nắm giữ tại KienlongBank: Phó Tổng Giám đốc.
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có.
- Số lượng chứng khoán tại KienlongBank tại thời điểm 29/04/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại KienlongBank tại thời điểm 29/04/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Lợi ích liên quan đối với KienlongBank:
 - o Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, công ty con của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, công ty do Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên Ban Tổng Giám đốc và những người có liên quan của Thành viên Ban Tổng Giám đốc tính đến thời điểm 31/03/2026: Không có. Lương và thưởng: Các khoản Lương và thưởng của Thành viên Ban Tổng Giám đốc được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Quyết định của HĐQT và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng.
 - o Lợi ích khác: Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ.
- Các khoản nợ đối với KienlongBank: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm – dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

3.3.7 Ông Phan Đức Kha - Phó Tổng Giám đốc

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1986
- Trình độ học vấn: Đại học
- Năng lực chuyên môn: Thạc sĩ Treasury

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
3/2009 – 9/2010	Chuyên viên Kinh doanh ngoại hối	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín
10/2010 – 10/2013	Trưởng Phòng Ngoại hối	Công ty TNHH MTV Sacomrex
2014 – 2016	Phó Tổng Giám đốc điều hành	Tổng Công ty DRI – Dalat Resort
7/2016 – 6/2019	Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính – Kế hoạch	Công ty Cổ phần Hoàng Gia ĐL
6/2021 – 10/2021	Quyền Tổng Giám đốc	Công ty Cổ phần KSFINANCE
2022 – 2023	Giám đốc đầu tư	Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine Sài Gòn
2023 – 2025	Thành viên Hội đồng đầu tư	Công ty TNHH Đầu tư Sunway Power
2025 – 4/2026	Phó Tổng Giám đốc	Công ty Cổ phần Phát triển Tập đoàn Sunshine
Từ ngày 11/05/2026 – Nay	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Kiên Long

- Chức vụ đang nắm giữ tại KienlongBank: Phó Tổng Giám đốc.
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có.
- Số lượng chứng khoán tại KienlongBank tại thời điểm 29/04/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại KienlongBank tại thời điểm 29/04/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Lợi ích liên quan đối với KienlongBank:
 - o Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, công ty con của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, công ty do Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên Ban Tổng Giám đốc và những người có liên quan của Thành viên Ban Tổng Giám đốc tính đến thời điểm 31/03/2026:

Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với KienlongBank	Nội dung chính của Hợp đồng, giao dịch	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
Phan Đức Kha	Phó Tổng Giám đốc	Tiền gửi tại KienlongBank	Hội đồng quản trị của KienlongBank (theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐQT ngày 28/10/2024)

- Lương và thưởng: Các khoản Lương và thưởng của Thành viên Ban Tổng Giám đốc được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Quyết định của HĐQT và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng.
- Lợi ích khác: Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ.
- Các khoản nợ đối với KienlongBank: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm – dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

3.3.8 Bà Vũ Ngọc Lan Châu – Phó Tổng Giám đốc

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1985
- Trình độ học vấn: Đại học
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Kế toán – Kiểm toán
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
07/2006 – 11/2011	Kiểm soát viên phòng Dịch vụ Khách hàng	Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)
11/2011 – 07/2022	Giám đốc dịch vụ Phó Giám đốc Chi nhánh lớn	Ngân hàng TMCP Quân Đội (MBBank)
08/2022 – 05/2023	Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh Miền Nam	Công ty Cổ phần Tập đoàn Tài chính Công nghệ Umee – Tập đoàn Bất động sản Sunshine Group
05/2023 – 08/2025	Tổng Giám đốc Giám đốc đầu tư	Công ty Cổ phần Đầu tư Cosmos/ Quỹ Đầu tư Aliquantum Partners Singapore
09/2025 – 12/2025	Trợ lý cấp cao Chủ tịch Tập đoàn – Cán bộ nguồn TGD/ Phó TGD các Công ty thuộc Vingroup	Tập đoàn Vingroup
12/2025 – 05/2026	Tổng Giám đốc	Công ty Cổ phần Đầu tư Cosmos
Từ ngày 21/5/2026 – Nay	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Kiên Long

- Chức vụ đang nắm giữ tại KienlongBank: Phó Tổng Giám đốc.
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có.
- Số lượng chứng khoán tại KienlongBank tại thời điểm 29/04/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại KienlongBank tại thời điểm 29/04/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.

- Lợi ích liên quan đối với KienlongBank:

- o Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, công ty con của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, công ty do Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên Ban Tổng Giám đốc và những người có liên quan của Thành viên Ban Tổng Giám đốc tính đến thời điểm 31/03/2026:

Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với KienlongBank	Nội dung chính của Hợp đồng, giao dịch	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
Vũ Ngọc Lan Châu	Phó Tổng Giám đốc	Tiền gửi tại KienlongBank	Hội đồng quản trị của KienlongBank (theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐQT ngày 28/10/2024)
Cá nhân khác	Người có liên quan của Phó Tổng Giám đốc Vũ Ngọc Lan Châu	Tiền gửi tại KienlongBank	

- o Lương và thưởng: Các khoản Lương và thưởng của Thành viên Ban Tổng Giám đốc được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Quyết định của HĐQT và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng.
 - o Lợi ích khác: Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ.
- Các khoản nợ đối với KienlongBank:** Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm – dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

3.3.9 Bà Vũ Đặng Xuân Vinh – Kế toán Trưởng

- Số lượng chứng khoán tại KienlongBank tại thời điểm 29/04/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại KienlongBank tại thời điểm 29/04/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

- Lợi ích liên quan đối với KienlongBank:

- o Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Kế toán trưởng và những người có liên quan của Kế toán trưởng tính đến thời điểm 31/03/2026:

Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với KienlongBank	Nội dung chính của Hợp đồng, giao dịch	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
Vũ Đặng Xuân Vinh	Kế toán trưởng	Hợp đồng cho thuê xe Tiền gửi tại KienlongBank	Hội đồng quản trị của KienlongBank (theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐQT ngày 28/10/2024)

4. Cập nhật Các văn bản pháp lý liên quan đến đợt chào bán tại Bản Cáo Bạch

Nghị quyết số 11/NQ-HĐQT ngày 29/06/2026 về việc điều chỉnh Phương án phát hành và Phương án sử dụng vốn Trái phiếu Ngân hàng TMCP Kiên Long phát hành ra công chúng (“Nghị Quyết 11”).

5. Cập nhật Định nghĩa tại Bản Cáo Bạch

“Nghị Quyết Về Phương Án Phát Hành” có nghĩa bao gồm Nghị Quyết 30 và Nghị Quyết 11

6. Cập nhật số lượng, giá trị và thời gian dự kiến chào bán Trái Phiếu KLB7Y202503 tại Bản Cáo Bạch

STT	Đợt	Trái Phiếu chào bán	Tổng số lượng Trái Phiếu chào bán (Trái phiếu)	Tổng giá trị Trái Phiếu chào bán theo mệnh giá (VND)	Thời gian chào bán dự kiến
1	Đợt 3	Trái Phiếu KLB7Y202503	17.774.676	1.777.467.600.000	Quý III/2026 - Quý IV/2026
Tổng cộng			17.774.676	1.777.467.600.000	

7. Cập nhật Lãi Suất Trái Phiếu tại Điểm 9.1 Mục VI tại Bản Cáo Bạch như sau:

“9.1 Lãi Suất Trái Phiếu

- a) **Lãi suất Trái Phiếu KLB7Y202501 và Trái Phiếu KLB7Y202502** là lãi suất thả nổi, được xác định theo công thức sau:

Lãi suất áp dụng cho mỗi Kỳ Tính Lãi = Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ 1,8%/năm (một phẩy tám phần trăm một năm).

- b) **Lãi suất Trái Phiếu KLB7Y202503** là lãi suất thả nổi, được xác định theo công thức sau:

Lãi suất áp dụng cho mỗi Kỳ Tính Lãi = Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ 2,8%/năm (hai phẩy tám phần trăm một năm).

- c) Vì mục đích của Điều Khoản 9.1 a) và Điều Khoản 9.1 b) mục này:

(i) “Lãi Suất Tham Chiếu” được xác định như sau:

- A. **Đối với Trái Phiếu KLB7Y202501 và Trái Phiếu KLB7Y202502:** Lãi Suất Tham Chiếu đối với mỗi Kỳ Tính Lãi, có nghĩa là lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân, bằng Đồng Việt Nam, kỳ hạn 12 tháng, trả lãi cuối kỳ, được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức (website) của Tổ Chức Phát Hành tại Ngày Xác Định Lãi Suất.
- B. **Đối với Trái Phiếu KLB7Y202503:** Lãi Suất Tham Chiếu đối với mỗi Kỳ Tính Lãi, có nghĩa là lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân, bằng Đồng Việt Nam, kỳ hạn 24 tháng, trả lãi cuối kỳ, được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức (website) của Tổ Chức Phát Hành tại Ngày Xác Định Lãi Suất.
- (ii) “**Ngày Xác Định Lãi Suất**” đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên là ngày bắt đầu nhận đơn đăng ký mua Trái Phiếu của mỗi Đợt. Ngày Xác Định Lãi Suất đối với các Kỳ Tính Lãi tiếp theo là Ngày Làm Việc thứ 07 (bảy) trước ngày đầu tiên của mỗi Kỳ Tính Lãi.
- (iii) Tổ Chức Phát Hành sẽ thực hiện xác định Lãi Suất theo Lãi Suất Tham Chiếu có hiệu lực tại 16 giờ Ngày Xác Định Lãi Suất và gửi thông báo về kết quả xác định Lãi Suất bằng văn bản cho Đại Lý Đăng Ký hoặc VSDC (tùy từng trường hợp áp dụng) trước ngày đầu tiên của Kỳ Tính Lãi ít nhất 03 (ba) Ngày Làm Việc và gửi thông báo về kết quả xác định Lãi Suất cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu bằng cách đăng tải lên website của Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Đăng Ký hoặc VSDC (tùy từng thời điểm áp dụng) vào trước ngày đầu tiên của Kỳ Tính Lãi ít nhất 01 (một) Ngày Làm Việc, trừ trường hợp Kỳ Tính Lãi đầu tiên là tại ngày bắt đầu thực hiện chào bán Trái Phiếu. Những Người Sở Hữu Trái Phiếu đồng ý và cam kết rằng kết quả xác định Lãi Suất Trái Phiếu của Tổ Chức Phát Hành (“**Lãi Suất Trái Phiếu**”) sẽ được áp dụng đối với toàn bộ Trái Phiếu trừ khi có sai sót về số học một cách rõ ràng.
- (iv) Để làm rõ, trong trường hợp Lãi Suất Trái Phiếu trên mỗi Trái Phiếu xác định theo quy định tại Điều Kiện 9.1 không phải là một số nguyên thì Lãi Suất Trái Phiếu sẽ được làm tròn đến hàng thập phân thứ 04 (bốn) sau dấu phẩy. Tổng số tiền Lãi của mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu được hưởng quy định tại Điều Kiện 9.2 dưới đây được làm tròn lên đến hàng đơn vị.
- (v) Trong trường hợp pháp luật có quy định áp dụng trần lãi suất đối với Trái Phiếu thì:
- A. nếu quy định áp dụng trần lãi suất không có hiệu lực áp dụng hoặc không bắt buộc áp dụng đối với Lãi Suất Trái Phiếu đã được quy định tại Điều Kiện 9.1 nêu trên thì Lãi Suất Trái Phiếu sẽ tiếp tục được áp dụng theo quy định tại Điều Kiện 9.1 nêu trên;
- B. nếu quy định này có hiệu lực áp dụng đối với Lãi Suất Trái Phiếu và Lãi Suất Trái Phiếu đã được quy định tại Điều Kiện 9.1 nêu trên vượt quá mức trần lãi suất do pháp luật quy định Lãi Suất Trái Phiếu sẽ là mức lãi suất trần tối đa được phép theo quy định của pháp luật;

- C. nếu quy định này có hiệu lực áp dụng đối với Lãi Suất Trái Phiếu nhưng Lãi Suất Trái Phiếu được quy định tại Điều Khoản 9.1 nêu trên không vượt quá mức trần lãi suất do pháp luật quy định thì Lãi Suất Trái Phiếu là mức lãi suất được xác định như tại Điều Khoản 9.1 nêu trên.”

8. Cập nhật Lịch trình dự kiến phân phối Trái Phiếu tại Bản Cáo Bạch

Lịch trình dự kiến phân phối Trái Phiếu ra công chúng của Đợt 3 (Quý III/2026 - Quý IV/2026)

STT	Nội dung	Thời gian dự kiến
1	Ngày Tổ Chức Phát Hành nhận được Văn bản thông báo về việc nhận được tài liệu báo cáo triển khai chào bán trái phiếu ra công chúng đối với Trái Phiếu chào bán Đợt 3 do UBCKNN ban hành	T4
2	Tổ Chức Phát Hành công bố thông tin về chào bán Trái Phiếu Đợt 3	T4 đến T4 + 7 Ngày Làm Việc
3	Tổ Chức Phát Hành thực hiện phân phối Trái Phiếu Đợt 3 và Nhà Đầu Tư nộp tiền mua Trái Phiếu	(T4 đến T4+7) < T5 < T4+90
-	Thời hạn bắt đầu nhận đơn đăng ký mua Trái Phiếu dự kiến	T5
-	Thời hạn cuối cùng nhận đơn đăng ký mua Trái Phiếu và Nhà Đầu Tư nộp tiền mua Trái Phiếu dự kiến (ngày kết thúc đợt chào bán)	T5+30
4	Ngày Phát Hành	T5+30
5	Tổ Chức Phát Hành thực hiện báo cáo kết quả phát hành Đợt 3 cho UBCKNN và thực hiện công bố thông tin về kết quả phát hành	Trong vòng 10 (mười) ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán
6	Chuyển giao Trái Phiếu cho Nhà Đầu Tư	Trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán

9. Cập nhật Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ Đợt chào bán Trái Phiếu tại Bản Cáo Bạch

Phương án sử dụng vốn Đợt 3

Đơn vị: VND

STT	Phân bổ lĩnh vực sử dụng vốn	Quý III/2026 - Quý IV/2026
1	Sản xuất kinh doanh	1.377.467.600.000
2	Nông nghiệp, nông thôn và tiêu dùng	200.000.000.000
3	Thương mại	200.000.000.000
TỔNG		1.777.467.600.000

Nguồn: Nghị quyết số 11/NQ-HĐQT ngày 29/06/2026 về việc điều chỉnh Phương án phát hành và Phương án sử dụng vốn Trái phiếu Ngân hàng TMCP Kiên Long phát hành ra công chúng

10. Các nội dung khác: giữ nguyên như Bản Cáo Bạch.

11. Bổ sung Phụ lục tại Bản Cáo Bạch

- Giấy phép thành lập và hoạt động số 17/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”) cấp ngày 03/04/2026, được bổ sung bởi Quyết định số 50/QĐ-QLGS5 do NHNN cấp ngày 25/06/2026;
- Nghị quyết số 11/NQ-HĐQT ngày 29/06/2026 về việc điều chỉnh Phương án phát hành và Phương án sử dụng vốn Trái phiếu Ngân hàng TMCP Kiên Long phát hành ra công chúng; Quyết định số 1402/QĐ-NHKL ngày 29/06/2026 của Tổng Giám đốc KienlongBank về việc triển khai chào bán Trái phiếu Ngân hàng TMCP Kiên Long ra công chúng - Đợt 3
- Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán; Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất Quý I năm 2026.

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

V. CHỮ KÝ

Rạch Giá, ngày 29 tháng 6 năm 2026

ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CHỦ TỊCH HĐQT



Trần Ngọc Minh

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Hồng Minh

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Vũ Đặng Xuân Vinh

ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI
TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Duy Linh



NGHỊ QUYẾT

*V/v: Điều chỉnh Phương án phát hành và Phương án sử dụng vốn
Trái phiếu Ngân hàng TMCP Kiên Long phát hành ra công chúng*

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành ("Luật Chứng Khoán");
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Kiên Long hiện hành;
- Nghị quyết số 30/NQ-HĐQT ngày 16/9/2025 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Kiên Long thông qua Phương án phát hành, Phương án sử dụng và trả nợ vốn, Hồ sơ đăng ký chào bán Trái Phiếu ra công chúng của Ngân hàng TMCP Kiên Long ("Nghị Quyết 30");
- Căn cứ Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị hiện hành;
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị số 16/BBH-HĐQT ngày 26/6/2026.

QUYẾT NGHỊ:

- Điều 1.** Thông qua việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị Quyết 30 liên quan đến Phương án phát hành và Phương án sử dụng vốn Trái phiếu Ngân hàng TMCP Kiên Long phát hành ra công chúng ("Trái Phiếu") theo Phụ lục I đính kèm.
- Điều 2.** Hội đồng quản trị giao Chủ tịch Hội đồng quản trị và/hoặc Tổng Giám đốc chủ động tổ chức, triển khai thực hiện các thủ tục phát hành/chào bán Trái phiếu theo quy định của pháp luật và của KienlongBank.
- Điều 3.** Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Khối, Giám đốc Khu vực, Giám đốc Văn phòng đại diện, Giám đốc Phòng, Ban, Trung tâm Hội sở, Giám đốc Chi nhánh, Phòng giao dịch trực thuộc KienlongBank, toàn thể cán bộ, nhân viên KienlongBank và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.
- Điều 4.** Nghị quyết này là một phần không tách rời của Nghị quyết số 30/NQ-HĐQT ngày 16/9/2025 của Hội đồng quản trị thông qua Phương án phát hành, Phương án sử dụng

và trả nợ vốn, Hồ sơ đăng ký chào bán Trái Phiếu ra công chúng của Ngân hàng TMCP Kiên Long. Các nội dung khác tiếp tục thực hiện theo Nghị quyết 30.

Điều 5. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- BKS (để báo cáo);
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Lưu VP. HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT *gh*



Trần Ngọc Minh



PHỤ LỤC I

(Đính kèm Nghị quyết số 11/NQ-HĐQT ngày 29/6./2026
của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Kiên Long)

1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị Quyết 30 liên quan đến Phương án phát hành Trái Phiếu

1.1 Sửa đổi, bổ sung nội dung về Số lượng, Khối lượng và Thời gian chào bán dự kiến đối với Trái Phiếu Đợt 3 tại Điểm 16, Mục III, Phụ lục I của Nghị Quyết 30 như sau:

Đợt	Mã Trái Phiếu	Số lượng Trái Phiếu chào bán (Trái Phiếu)	Khối lượng chào bán theo mệnh giá (VND)	Thời gian chào bán dự kiến
Đợt 3	KLB7Y202503	17.774.676	1.777.467.600.000	Quý III/2026 - Quý IV/2026
Tổng cộng		17.774.676 (*)	1.777.467.600.000 (*)	

(*) Chi tiết như sau:

	Số lượng Trái Phiếu chào bán Đợt 2 đã được phê duyệt (Trái Phiếu)	Số lượng Trái Phiếu Đợt 2 đã được phân phối (Trái Phiếu)	Số lượng Trái Phiếu Đợt 2 chưa chào bán hết (Trái Phiếu)	Số lượng Trái Phiếu chào bán dự kiến Đợt 3 đã được phê duyệt (Trái Phiếu)	Số lượng Trái Phiếu đăng ký chào bán Đợt 3 (Trái Phiếu)	Khối lượng Trái Phiếu đăng ký chào bán Đợt 3 theo mệnh giá (VND)
	(1)	(2)	(3) $= (1) - (2)$	(4)	(5) $= (3) + (4)$	(6) $= (5) * 100.000$
Tổng cộng	10.000.000	2.225.324	7.774.676	10.000.000	17.774.676	1.777.467.600.000

1.2 Sửa đổi nội dung về Mốc thời gian dự kiến của Thời điểm phát hành tại Điểm 17, Mục III, Phụ lục I của Nghị Quyết 30 như sau: dự kiến từ Quý IV/2025 – Quý IV/2026.

1.3 Sửa đổi nội dung về Lãi suất dự kiến tại Điểm 19, Mục III, Phụ lục I của Nghị Quyết 30 như sau:

“19. Lãi suất dự kiến

a) Lãi suất đối với Trái Phiếu Đợt 1 và Trái Phiếu Đợt 2 giữ nguyên như đã được phê duyệt tại Nghị Quyết 30 như sau:

gh

Lãi suất Trái Phiếu Đợt 1 và Trái Phiếu Đợt 2 (“**Lãi Suất**”) là lãi suất thả nổi, được xác định theo công thức sau:

$$\text{Lãi Suất} = \text{Lãi Suất Tham Chiếu} + 1,8\%/năm \text{ (một phẩy tám phần trăm một năm)}$$

Trong đó:

- “**Lãi Suất Tham Chiếu**”: đối với mỗi Kỳ Tính Lãi, có nghĩa là lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân, bằng Đồng Việt Nam, kỳ hạn 12 tháng, trả lãi cuối kỳ, được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức (website) của Tổ Chức Phát Hành tại Ngày Xác Định Lãi Suất.
- “**Ngày Xác Định Lãi Suất**”: đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên là ngày bắt đầu nhận đơn đăng ký mua Trái Phiếu của mỗi Đợt. Ngày Xác Định Lãi Suất đối với các Kỳ Tính Lãi tiếp theo là Ngày Làm Việc thứ 07 (bảy) trước ngày đầu tiên của mỗi Kỳ Tính Lãi.
- “**Kỳ Tính Lãi**”: định kỳ 12 (mười hai) tháng/lần kể từ Ngày phát hành.

b) Lãi suất dự kiến đối với Trái Phiếu Đợt 3:

Lãi suất Trái Phiếu Đợt 3 (“**Lãi Suất**”) là lãi suất thả nổi, được xác định theo công thức sau:

$$\text{Lãi Suất} = \text{Lãi Suất Tham Chiếu} + 2,8\%/năm \text{ (hai phẩy tám phần trăm một năm)}$$

Trong đó:

- “**Lãi Suất Tham Chiếu**”: đối với mỗi Kỳ Tính Lãi, có nghĩa là lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân, bằng Đồng Việt Nam, kỳ hạn 24 tháng, trả lãi cuối kỳ, được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức (website) của Tổ Chức Phát Hành tại Ngày Xác Định Lãi Suất.
- “**Ngày Xác Định Lãi Suất**”: đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên là ngày bắt đầu nhận đơn đăng ký mua Trái phiếu của Đợt 3. Ngày Xác Định Lãi Suất đối với các Kỳ Tính Lãi tiếp theo là Ngày Làm Việc thứ 07 (bảy) trước ngày đầu tiên của mỗi Kỳ Tính Lãi.
- “**Kỳ Tính Lãi**”: định kỳ 12 (mười hai) tháng/lần kể từ Ngày phát hành.”

2. Sửa đổi nội dung về Phương án sử dụng vốn Trái Phiếu Đợt 3 tại Điểm 1, Phụ lục II của Nghị Quyết 30 như sau:

Phương án sử dụng vốn Đợt 3

Đơn vị: VND

STT	Phân bổ lĩnh vực sử dụng vốn	Quý III/2026 - Quý IV/2026
1	Sản xuất kinh doanh	1.377.467.600.000
2	Nông nghiệp, nông thôn và tiêu dùng	200.000.000.000
3	Thương mại	200.000.000.000
TỔNG		1.777.467.600.000

3. Các nội dung khác: Như được phê duyệt tại Nghị Quyết 30.

th

QUYẾT ĐỊNH

*(V/v: Triển khai chào bán Trái phiếu Ngân hàng TMCP Kiên Long
phát hành ra công chúng – Đợt 3)*

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành (“Luật Chứng Khoán”);
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Kiên Long hiện hành;
- Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐQT ngày 16/9/2025 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Kiên Long V/v thông qua Phương án phát hành, Phương án sử dụng và trả nợ vốn, Hồ sơ đăng ký chào bán Trái Phiếu ra công chúng của Ngân hàng TMCP Kiên Long (“Nghị Quyết 30”);
- Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐQT ngày 29/06/2026 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Kiên Long V/v điều chỉnh Phương án phát hành và Phương án sử dụng vốn Trái phiếu Ngân hàng TMCP Kiên Long phát hành ra công chúng (“Nghị Quyết 11”);
- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 410/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28/10/2025;
- Căn cứ tình hình thực tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Triển khai chào bán Trái phiếu Ngân hàng TMCP Kiên Long phát hành ra công chúng – Đợt 3 (“Trái Phiếu”) theo Nghị Quyết 30 và Nghị Quyết 11 đã được Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Kiên Long phê duyệt với một số nội dung chính như sau:

1. Tên Trái Phiếu: Trái phiếu Ngân hàng TMCP Kiên Long phát hành ra công chúng.



2. Mã Trái Phiếu: KLB7Y202503.
3. Loại Trái Phiếu: Trái Phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để được tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Phát Hành.
4. Mệnh giá: 100.000 VND (một trăm nghìn đồng)/Trái Phiếu.
5. Tổng số lượng Trái Phiếu chào bán: 17.774.676 (mười bảy triệu bảy trăm bảy mươi bốn nghìn sáu trăm bảy mươi sáu) Trái Phiếu.
6. Tổng giá trị Trái Phiếu chào bán theo mệnh giá: 1.777.467.600.000 VND (một nghìn bảy trăm bảy mươi bảy tỷ bốn trăm sáu mươi bảy triệu sáu trăm nghìn đồng).
7. Kỳ hạn Trái Phiếu: 07 (bảy) năm.
8. Lãi suất Trái Phiếu (“Lãi Suất”): là lãi suất thả nổi, được xác định theo công thức sau:

$$\text{Lãi Suất} = \text{Lãi Suất Tham Chiếu} + 2,8\%/ \text{năm (hai phẩy tám phần trăm một năm)}$$

Trong đó:

- “Lãi Suất Tham Chiếu”: đối với mỗi Kỳ Tính Lãi, có nghĩa là lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân, bằng Đồng Việt Nam, kỳ hạn 24 tháng, trả lãi cuối kỳ, được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức (website) của Tổ Chức Phát Hành tại Ngày Xác Định Lãi Suất.

- “Ngày Xác Định Lãi Suất”: đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên là ngày bắt đầu nhận đơn đăng ký mua Trái phiếu của Đợt 3. Ngày Xác Định Lãi Suất đối với các Kỳ Tính Lãi tiếp theo là Ngày Làm Việc thứ 07 (bảy) trước ngày đầu tiên của mỗi Kỳ Tính Lãi.

- “Kỳ Tính Lãi”: định kỳ 12 (mười hai) tháng/lần kể từ Ngày phát hành.

9. Thời gian chào bán và phân phối dự kiến: Trong Quý III/2026 - Quý IV/2026, sau khi nhận được văn bản của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc tài liệu báo cáo triển khai chào bán Trái phiếu Đợt 3 theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 410/GCN-UBCK ngày 28/10/2025. Dự kiến tối thiểu 20 (hai mươi) ngày, tối đa 90 (chín mươi) ngày theo quy định của pháp luật (chưa tính trường hợp gia hạn thời gian phân phối theo quy định, nếu cần).

Điều 2. Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Khối, Giám đốc Khu vực, Giám đốc Văn phòng đại diện, Giám đốc Phòng, Ban, Trung tâm Hội sở, Giám đốc chi nhánh, Phòng Giao dịch trực thuộc KienlongBank, toàn thể cán bộ, nhân viên KienlongBank và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 (để thực hiện);
- Thành viên HĐQT, BKS (để báo cáo);
- Lưu VT.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Hồng Minh

